TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

Xét nhân sinh quan của một số nhà văn Đông-phương qua thi-phẩm họ — *Hoa-Bằng*
Họ Đinh ở Hàm-giang — *Tiên-Đàm*
Có thật là « danh-nhân » không ? — *Nguyễn-văn-Tố*
Cách đặt tiếng việt dùng làm chữ chuyên-môn (II) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
Ngôi mả hoang — *Kiều-thanh-Quế*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (I.) — *Ứng-Hòe*
Nam-đàn bát-châu (X) — *Tùng-Vân*
Xứ Maroc và hải-cảng Tanger (Thời-đàm) — *Nhật-Nham*
Dịch thơ tây (II) — *Cách-Chi*
Tùng hứng — *Ngân-Giang*
Thương (Truyện ngắn) — *Cây Thông*

Năm thứ hai — **Số 75**
Thứ năm 10 Décembre 1942

Giá : 0$20

XÉT NHÂN-SINH QUAN CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN ĐÔNG-PHƯƠNG QUA THI PHẨM HỌ

HOA-BẰNG

NHÂN-sinh quan là một danh-từ triết-học, chữ pháp là « conception de la vie ».

Nhân-sinh quan tức là cái chủ-trương mà loài người ôm-ấp đối với giá-trị và ý-nghĩa của cuộc sinh-tồn.

Nhân-sinh quan thường-thường bị chi-phối bởi hoàn-cảnh khách-quan, do thời-đại và giai-cấp quyết-định: ở trong thời-đại và giai-cấp thuận-tiện thì nhân-sinh quan của người ta thường là lạc-quan; trái lại, nếu ở trong thời-đại và giai-cấp kém sút thì nhân-sinh quan thường là bi-quan.

Dẫu vậy, có khi người ta ở vào giai-cấp cao-quí, nhưng chịu ảnh-hưởng những tư-tưởng siêu-việt, những học-thuyết hình-nhi-thượng, lại gặp phải thời-đại rối-ren, ngổn-ngang những nỗi ưu thời mẫn thế, thì nhân-sinh quan lại nhuộm một màu chán đời, mặc dầu người ta là một ông vua, sống trong cảnh gấm ủ, nhung phong, vàng phô, bạc giát.

Hai câu thơ dưới đây của vua Tự-đức (1848-1883) đã chứng cho lời tôi nói đó:

Khôn dại đều về ba thước đất,
Giàu sang chưa chín một nồi kê!

***

Một số nhà văn Đông-phương chịu ảnh-hưởng của đạo Lão, đạo Phật, nên quan-niệm đối với nhân-sinh của họ thường có vẻ buồn man-mác, cảm mông-mênh...

Ngay như phong-dao của ta, trong ang văn mộc-mạc giản-phác ấy cũng có nhiều câu tỏ rõ cái nhân-sinh quan của lớp người ở thời-đại xưa bằng những giọng buồn tênh, chán ngắt:

Đời người nào được mấy mươi,
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

Ban đầu, họ nhìn cuộc đời bằng con mắt bi-quan, coi đời như bóng ảo, như bọt nước, như giấc mơ, nên thấy không việc gì là đáng quí, cảnh gì là đáng chuộng cả. Thế rồi từ bi-quan đến phóng-nhậm tự-do chỉ cách một bước. Họ, một khi đã chán nản cuộc đời, rất dễ trở nên hạng người như Dương Chu, như Epicure: lấy hành-lạc làm chủ-nghĩa, lấy thích-chí làm mục-đích, vì họ nghĩ rằng đời người đã ngắn ngủi chẳng được bao lâm, nếu mình không biết lợi-dụng thì-giờ mà cặp thời hành lạc cho thỏa thích thì « cái già sòng-sóc nó theo sau », chẳng cũng sống uổng một đời vô-vị?

Cũng cùng một quan-niệm ấy, cùng một ý-tưởng coi đời như mộng ấy, mấy câu ca-dao sau đây lại càng tỏ vẻ bi-quan đối với cảnh đời, người thế:

Người đời khác nữa là hoa,
Sớm còn, tối mất, nở ra lại tàn!
Người đời như cánh phù-du,
Sớm còn, tối mất: công-phu nhẹ-nhàng!

Phải, người ta đã coi đời như hoa, như phù-du, thì trong trí dễ sinh chán-nản không thiết gì đến tiến-thủ, đến phấn-đấu nữa!

Chả thế, vì thấy đời bạc-bẽo, vô vị và lắm nỗi hiểm-trở ba đào, cảm khái thân mình như bọt bể khổ, bèo bến mê, cụ Nguyễn-công-Trứ đã thốt ra những câu đầy tư-tưởng yếm thế:

Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!

***

Chẳng những trong văn thơ ta có cái quan-niệm đối với nhân-sinh như thế, mà đến Tàu, đến Nhật cũng có lắm bài chan-chan một ý-vị ấy:

Đường Hàn Dũ là một nhà văn tiêu-biểu cho cái tư-tưởng đó. Trong Xương-Lê thi tập, Hàn Thoái-Chi có thơ rằng:

Hốt hốt hồ dư vị tri sinh chi vị lạc dã, nguyện thoát khứ nhi vô nhân!
An đắc trường cách, đại dực như vân sinh ngã thân,
Thừa phong chấn phấn xuất lục hợp, tuyệt phù trần
Tử, sinh, ai, lạc: lưỡng tương, khí,
Thị, phi, đắc, thất phó nhân nhân.

Dịch:

Bấp-bênh thay, tôi chưa thấy cái sống là vui nhỉ!
Muốn thoát đi, nhưng vin cớ nào?
Ước gì mình mọc đôi cánh như mây chắp vào,
Vượt ngoài sáu cõi, rũ bụi trần, cỡi gió bay cao?
Sống, chết, vui, buồn: vứt hết sạch!
Được, thua, phải, quấy chẳng nao nao...

Trong thơ của Hàn Dũ (1), còn nhiều câu nữa tỏ rõ cái quan-niệm đối với cuộc đời bằng một giọng đầy bi-quan:

Phù sinh tuy đa đồ,
Xu tử duy nhất quy.
(Thu-hoài)

Dịch:

Phù-sinh trăm lối, nghìn đường,
Chung quy cái chết khôn đường tránh qua!

***

Nhân chi sinh thế
Như mộng nhất giác;
Cập kỳ ký giác,
Khởi túc truy-duy?
(Trích bài văn tế Liễu-tử Hậu)

Dịch:

Người ta sinh ở trên đời,
Khác nào giấc mộng, mộng rồi tỉnh ngay.
Một khi đã tỉnh giấc, này,
Há nên đeo-đẳng mê-say mưu bàn?

Tư-tưởng nhà đại-nho đời Đường (618-906) ấy bị « phật hóa » rồi, nên thơ văn của Hàn đã gặp nhà Thiền trong thuyết « tứ đại khổ không » và « sắc tức không, không tức sắc ».

Vì ôm mối bi-quan đối với cuộc đời, Hàn lại quá phóng khoáng, quá đạt-quan, giống Trang-tử ở chỗ tề nhất cái sống cái chết, cái thọ, cái yểu; giống nhà Phật ở chỗ xóa nhào những tướng « nhân, ngã » và « chúng sinh », như Hàn đã viết mấy câu n y trong một bài cổ thi:

Ngã ngôn sinh hữu nhai,
Trường, đoản câu tử nhĩ!

Dịch:

Sinh có hạn: ấy lời ta,
Kém, hơn rồi cũng đưa ra đầy đồng!

Quan niệm về nhân sinh như thế thật đã đi đến bước cực đoan: coi không hết cả những cái ma r đời qui hóa, trầm trồ, gìn giữ, nâng niu. Ay cũng chung một tư tương phá hoại như trong câu ca dao n y:

Chính chuyên, chết cũng ra ma;
Lẳng lơ, chết cũng đưa ra đầy đồng!

Tư-tưởng ấy không thể dung thứ dưới lưỡi búa rìu của những nhà « giữ gìn nhân tâm, thế đạo ».

***

Tá-bá Chân-Ngư (774 — 835), người Nhật, rất tinh thâm về Phật học, từng xướng ra cái thuyết « Thần, Phật nhất thể » (2), cũng nhìn nhân sinh bằng con mắt bi quan. Tư tưởng ấy ông đã tỏ rõ ở trong bài *Y lã ba ca* mà tôi dịch nghĩa ra dày:

Hoa kia hoa dẫu thơm tho,
Nhưng rồi cánh rữa, nhị khô, còn gì!
Thấy đời, ta trạnh thương bi:
Mấy ai sống mãi mãi kia, bao giờ!
Cõi mộng ảo (3), cảnh chìm, mơ,
Mà nay siêu thoát lên bờ giác vui.
Giấc mộng ngắn đã tỉnh rồi,
Gửi làng say cũ: mấy lời vĩnh ly.

Bài ca Y lã ba ấy nguyên là một bài của Không Hải hòa thượng, tức là pháp danh của Tá bá Chân Ngư, làm để dạy thợ trong khi xây tháp Đa bảo ở trên núi Cao dã.

Nguyên ông sốt sắng về việc tuyên dương đạo Phật, muốn cho bọn thợ làm việc kiến trúc ấy, trong chỗ không ngờ, cũng tâm lĩnh được công đức chân ngôn, tu được nền gốc thành Phật, nên ông có soạn ra hai câu chân ngôn để dạy thợ đọc cho vui miệng. Ngặt vì họ tối dạ, sớm đọc, chiều quên, nên ông phải dựa theo những câu kệ trong kinh Nát ban mà đặt ra bài ca này, vừa tiện cho họ dễ đọc, vừa do đó để họ dần dà kết chút Phật duyên.

Song nhân đây, ta nay cũng thấy tư tưởng ông đã quá bi quan đối với cuộc đời, vì ông đã nghiêng hẳn về con đường tịch diệt của nhà Phật. Tư tưởng ấy khác nào câu này trong kinh kim cương: « Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo, bào ảnh, như lộ, diệc như điện, ưng tác như thị quan. » Nghĩa là

Xem tiếp trang 16

(1) Hàn Dũ người Nam-dương thuộc Đặng-châu đời Đường, tên tự là Thoái-chi, sau được truy phong là Xương-lê bá, nên đời thường kêu là Hàn Xương-lê. Ông là người sáng suốt sắc sao, mà tính nết thì bướng chắc ngay thẳng, đó chân tiến sĩ làm đến Lại-bộ thị-lang. Trải ba triều Đức-tông (780-805), Thuận-tông (805) và Hiến-tông (806-820) ông to ra là một viên quan ngạnh trực không sợ sệt một tiếc gì. Ông học rất rộng, thông suốt cả lục kinh và bách gia. Tuy bề ngoài thì bài Phật nhưng kỳ thực tư tương ông có chịu ảnh hưởng đạo Phật rất sâu xa. Văn ông có giá trị cả bề rộng lẫn bề sâu.

(2) Thuyết « Thần Phật nhất thể » đại khái như vầy: « Cái pháp mà suy được đến cùng cực thì bực thánh, kẻ phàm đều là nhất tri, sắc trắng, sắc đỏ cũng là một màu. Tri đức của Thần cũng như tri đức của Phật, không hề có cao thấp nặng nhẹ khác nhau. Thần và Phật tuy có khác nhau về danh xưng, nhưng nói đến cái đạo từ bi phổ độ thì vẫn là một. Vậy nên tin Thần cũng như quy y Phật, quy y Phật cũng như tin Thần. »

(3) Chữ này trong Từ nguyên chép là hộ quán thiết, giản vận. Nhưng vì nay phần đông quen đọc là « ảo » nên tôi cũng cứ dùng cho dễ hiểu.

HỌ ĐINH Ở HÀM-GIANG

TIÊN-ĐÀM

TRONG *Hải-dương « phong vật khúc »* (1) có mấy câu sau đây nói về họ Đinh :

Họ Hàm-giang anh tài trường súy,
Nghề tay đao đã nhẹ như tên ;
Súng bay tiếng đạt ngự tiền,
Thoát vòng lọt đã trao quyền vũ-giai ;
Quét chông-gai mấy phen vực nước,
Sinh phong vương, vị tước ai bằng ?
Đời đời uy dậy vang lừng,
Có danh đánh giặc: tài-năng họ Hàm.

Gia thế họ Đinh đã được mấy câu trên tóm tắt ; dưới đây xin nói về tiểu sử mấy vị có danh tiếng của họ ấy.

Họ Đinh phát tích ở đâu ?

Họ Đinh ở Hàm-giang, huyện Cẩm-giàng, nếu truy nguyên, vốn dòng dõi vua Đinh Tiên-Hoàng ở đồng Hoa-lư, tỉnh Ninh-bình.

Họ Đinh tản nát ra các nơi, có chi vào ở đất Nghệ-an, huyện Hưng-nguyên, làng Bùi không tức là chi ông Đinh Bạt-Tụy đỗ Chế-khoa đời Hậu-Lê, làm đến Thái-phó, Quận-công và được truy-phong Đại-vương phúc-thần làng ấy.

Một người trong họ ấy ở Hàm-giang đã ghi một sự-nghiệp hiển-hách vào quốc sử: ông Đinh văn-Tả.

Ông Đinh van-Tả vốn người lỗi-lạc ngang-tàng có sức khỏe và giỏi nghề bắn cung, cưỡi ngựa vì tính hung hãn nên ba lần bị can án về việc cướp, nhưng truy tầm không bắt được.

Có sách chép (2) : có ngày ông bị quản thúc, ở Thang-long, một buổi, qua trường thi võ đứng ghé vào xem rồi cười mà bảo những người chung-quanh :

— Bọn họ là đồ vô năng, chỉ ăn phí cả lương trong kho nhà nước !

Quan trường nghe thấy thế, cho gọi ông vào, để thử tài.

Trước hết sai đưa súng cho ông ; ông cầm súng, nhọ nhàng, mỗi phát bắn ra, là một phát trúng đích. Quan trường cũng khen là người tài, rồi đem việc ấy tâu lên chúa Trịnh. Chúa liền sai tha tội, cho làm một chức về Võ-giai theo đi dẹp giặc.

Đời vua Thần-Tôn, niên-hiệu Thịnh-đức năm đầu (1653), chúa Trịnh (Hoằng-Tổ Dương-vương Trịnh Tạc) cất binh vào đánh phương Nam, có chiêu mộ dũng sĩ ở bốn phương để sung vào quân đội, ông Đinh văn-Tả ra ứng mộ để lấy công chuộc tội.

Binh vào đến cõi Nam, đánh chín trận thì chín trận ông được toàn thắng ; nhà chúa cho được rửa hết lỗi cũ và khôi-phục làm công-dân.

Một ngày giao chiến, gặp khi quân địch ở đối lũy bờ sông bên kia, phòng-bị rất kiên-cố, lại thêm trong quân có một cái chiêng rất to dùng làm hiệu-lệnh, mỗi khi đánh chiêng ấy, tiếng kêu nghe xa vài mươi dặm.

Chúa Trịnh liền hỏi trong hàng chư-tướng ai dám sang trại địch lấy được cái chiêng ấy mang về.

Ông Đinh van-Tả xin đi ngay. Ông chỉ đem 50 thủ hạ. Khi đến bờ sông, bắt họ đứng lại, sờ ngực thấy anh nào trống ngực đánh nhiều thì bỏ lại, chỉ còn đem theo có ba người gan dạ, không biết sợ, rồi thừa lúc đêm tối, lội qua sông, bơi sang trại quân Nam.

Đến trại quân Nam, đã khuya, ông cùng ba thủ-hạ lẻn vào được trong lũy, lấy được chiêng, nhưng lúc về đến giữa sông, không biết ông « cao hứng » thế nào, mang chiêng ra khua ầm lên.

Quân giặc ở trong lũy lúc ấy mới biết mất chiêng, vội đuổi theo nhưng không kịp.

Qua ngày hôm sau, quân địch căm giận về việc ấy, kéo hết cả quân sang cướp trại của quân nhà Trịnh.

Đinh văn-Tả đứng đầu, chống-trọi với quân địch, tung hoành, qua lại như bay, đi đến đâu giặc bị tan vỡ cả. Trận này ông được toàn thắng, hát bài khải-ca mà về.

Vì có quân công ấy, được phong chức quản-binh.

Bây giờ con cháu họ Mạc là Mạc Khang-Cổ (?) chiếm cứ Cao-bằng, chúa Trịnh sai Đinh Văn-Tả đem quân đi dẹp, sau mấy trận, ông bắt được đồ-đảng họ Mạc mang về nộp ; liền năm ấy được thăng Đô đồng-trí và thiên ra làm Trấn-thủ Hải-dương.

Gặp khi ấy ở Nghệ-an lại có giặc-giã, chúa Trịnh lại ngự giá Nam chinh, Văn-Tả được phong làm Tả hành quân Tiên-phong, cùng với quân địch chống giữ nhau ở Đăng-giang. Xuất kỳ bất ý, thừa lúc ban đêm, Van-Tả đem thủy-quân tiến đánh, bắt được tướng bên địch cùng thuyền, bè, khí-giới rất nhiều. Sau trận này, dân-sự Nghệ-an đều hâm-mộ ông là người có uy-võ và lại có ân-huệ,

mới cùng ký kết làm khải dâng lên chúa Trịnh xin lưu ông lại làm Trấn-thủ Nghệ-an. Chúa Trịnh ung cho và phong ông làm Nghệ-an Đốc-suất.

Ở Nghệ-an ông để tâm xem xét hình-thế sơn xuyên, rồi ngầm đắp lũy ở Thanh-bộc dụ cho quân Nam vào sâu, thừa thắng đánh úp, quân địch bị thua to.

Trước khi ấy, Mậu quận-công là Phạm Tất-Toàn vốn là thuộc-tướng của Van-Tả, đã đem châu Bố-chính xuống hàng quân Nam, được phong làm quân-soái, mưu đem quân đánh Trịnh.

Đinh Van-Tả dò biết tin ấy, mới sai người ở chỗ biên-giới nói phao lên rằng : « Mậu quận-công trá hàng đấy, nay tuy hàng nhưng đóng quân ở Đăng-giang chờ quân Bắc tiến vào thì làm nội ứng ».

Quả nhiên, chúa Nguyễn sinh lòng ngờ-vực Mậu quận-công, rồi sai người giết đi.

Việc ấy đến tai chúa Trịnh chúa viết thư ban khen, đại lược nói : « Ngươi có phương-lược như Thái-Công, mưu mô như Trần-Bình, nay thăng lên chức Đô-đốc đồng-tri và cho tước quận-công. »

Dư đảng họ Mạc vẫn còn ở Cao-bằng. Chúa Trịnh lại đem binh đi đánh, cho với Đinh Van-Tả về làm Đốc-chiến. Họ Mạc bị đánh rát quá, phải trốn sang Tàu. Muốn trừ hậu họa, Đinh Văn-Tả cho quân đuổi theo bắt hết dư đảng. Quân Trịnh đại thắng về kinh và lưu ông ở lại trấn-thủ châu Thất-tuyền. (3)

Đinh Văn-Tả dâng khải về kinh xin sai quan xây lại thành-trì và vỗ-về cư dân cho an cư lạc nghiệp, rồi mới về kinh phục chỉ.

Chúa Trịnh lại khởi binh vào Nam, Đinh Văn-Tả làm tướng, sai lựa những quân tinh nhuệ thẳng đến Đồng-hải, đối lũy với quân địch.

Đồn lũy bên địch rất kiên-cố, ở ngoài có cắm rất nhiều chông nhọn. Văn-Tả đứng trên núi đất mở đường dụ quân Nam tiến vào, rồi phục binh đánh úp. Còn ở hai bên tả hữu, phía chân núi lại phục những quân thiện xạ dùng tên lửa bắn vào đồn bên địch, chông gỗ và nhà cửa bằng lá đều cháy hết, quân Nam tan vỡ, bị giết chết rất nhiều (4).

Chúa Trịnh thấy Đinh Van-Tả có mưu-mô lạ-lùng như thế, vuông chỉ ngợi-khen và úy-lạo, lại sai thưởng tiền bạc để chia phát cho thủ-hạ khiến cho ai nấy phải nức lòng.

Năm Đinh-tỵ, niên-hiệu Vĩnh-trị thứ hai (1677), Mạc Ng. Thanh (5) lại vào chiếm đất Cao-bằng, chúa Trịnh lại sai Đinh Van-Tả đốc-suất các quân, kiêm quản-lĩnh binh mã các xứ Thái-nguyên, Lạng-sơn, Tuyên-quang hợp sức tiễu giặc.

Nguyễn-Thanh thua, phải trốn sang Long-châu. Văn-Tả bắt được đồ đảng, ngựa chiến và khí-giới rất nhiều. Rồi lưu Đặng Công Chất (6) ở lại làm Trấn-phủ, sai lựa trai-tráng, đào hào đắp lũy, và ngay nơi ấy lập miếu thờ vua Lê Thái Tổ cùng hiểu dụ cái uy đức, công-nghiệp của vua Lê đã bình được giặc Ngô. Nhiều dân và các thổ tù đều cảm kích và vui lòng qui phục. Từ đấy đất Cao-bằng mới yên.

Ban sứ về kinh, chúa Trịnh gia phong cho Đinh Van-Tả làm Thái-tử Thiếu-bảo, Đông quân phủ, Tả đô-đốc, tước quận-công. Khi mất được tặng hàm Thái-phó.

Tương truyền rằng năm 80 tuổi, Đinh Van-Tả phải bệnh nặng, tin về Thang-long, chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng :

— Như nhà ngươi trong bụng còn ao ước điều gì nữa không ?

Đinh Van-Tả thưa :

— Tôi nhờ ơn nhà Chúa làm quan vinh-hiển thế này, mà lại thọ đến 80 tuổi, thì trong bụng đã mãn nguyện lắm, nhưng chỉ ao-ước một chút, giả thử trong lúc tôi chưa chết mà chúa phong cho làm phúc thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì ân-hận nữa.

Chúa Trịnh lập tức sai đứng ngay đầu giường thảo sắc phong Van-Tả làm đại-vương, phúc thần. Văn-Tả tạ ơn, rồi mất (7).

Đến đời chúa Chiêu Tổ Khang-Vương (Trịnh Can) khi lên cầm quyền-chính, nhớ công ơn Đinh Van-Tả, lại phong làm Trung-đẳng phúc-thần.

Con giai ông Đinh Văn-Tả là Vỹ cũng nối được chí lớn của cha, vì có công giúp nhà chúa, sau được phong Thái-tử Thiếu đảo Hiển quận-công.

Về ông Vỹ có sách chép rằng (8) :

Bà Từ-Đức thái-phi họ Vũ lúc bé làm con nuôi ông Đinh Văn-Vỹ, sau được vào hầu trong phủ chúa có một vài lần mà sinh ra chúa Giụ-Tổ Thuần-vương Trịnh Giang và Quỳnh Anh công-chúa. Nhưng bà Vũ thái-phi lại còn muốn được tiếp kiến nữa.

Một hôm, chúa Hi-Tổ Nhân vương Trịnh Cương đến chơi nhà Vỹ, Vỹ sai đặt yến tiệc trọng đãi, trong khi chúa tôi uống rượu đều say, chúa Trịnh hỏi Vỹ muốn gì ?

Vỹ tâu : « Vương-thượng đã không cho lão thần là kẻ bất tài mà ân sủng đến thế này là đầm-thắm lắm, thì lão thần còn dám xin

gì nữa, duy chỗ phòng-tiêu trong Vương-phủ tuy nhiều, lão thần chỉ mong Vũ-thị lại được vào hầu chúa để thêm con ròng, thì thực là Vương-thượng ban cho lão-thần nhiều lắm ».

Chúa cười, ưng cho, rồi từ đấy bà Vũ thái-phi lại được sủng-ái mà sinh ra chúa Nghị-Tổ Ân-vương Trịnh Doanh.

Đinh Văn-Tả có 3 người cháu đều hiển quí :

Cống, Thuần và Giai :

1·) Cống làm đến Tổng-binh đồng-tri, tước quận-công.

2·) Thuần làm đến Tổng-binh-sứ, tước hầu.

3·) Giai phò chúa Trịnh Doanh (Nghị Tổ Ân vương) có nhiều công, nhà chúa phong cho chức Thiếu-phó.

Năm Canh-thân (1740) đầu niên hiệu Cảnh-hưng, ở đông bắc có loạn, Giai được tiến phong Côn quận-công, thống lĩnh binh đông đạo để dẹp giặc.

Bấy giờ trong hàng các tướng duy có Giai là con nhà tướng, nên được trọng vọng và lừng lẫy uy-danh. Giai lại giỏi việc dùng binh nên đánh đâu được đấy, nhà chúa lấy làm ỷ trọng. Giặc Nguyễn hữu Cầu (9) là tay kiệt-liệt thường bị Giai đánh, hãm, đã có phen cùng-quẫn quá, phải ngầm sai người đến trần tình với Giai xin hoãn binh và nói rằng : « Giặc Cầu sớm hôm sẽ chết, Tướng-quân há giữ binh quyền được mãi sao ! » Giai lấy câu ấy làm cảm-động, phần thì cho là các tướng không ai địch nổi mình nên dung-túng cho giặc Cầu cướp-bóc, đóng quân một chỗ không đánh, lấy hư thanh dọa Triều-đình, khoe cái thanh thế của tướng giặc để tự tôn mình lên.

Chúa Trịnh đem lòng ngờ Giai không chỉ chiến đấu, bèn chọn tướng để chia binh quyền của Giai vì lúc ấy Giai đóng binh ở Hàm-giang cùng giữ nhau với giặc Cầu.

Cầu là người rất giảo quyệt, dò biết Triều-đình đã ngờ Giai, nhân một đêm khuya cho đem 10 chiếc thuyền có đủ cả kèn, sáo thả từ thượng lưu sông xuống rồi đến đồn nó đóng lại bảo đậu ở bên bờ sông. Cầu lại sai nói phao lên rằng : « Côn quận-công đến thăm Ninh-Đông hầu (tước của giặc Cầu). Cầu sai người đi đón, khi đến nghi trượng và kẻ theo hầu rất đông rồi vào hội yến ở trong trướng mãi đến hết trống canh một mới ra, Cầu lại cho thuyền tiễn theo ngược giòng mà lên ».

Lại hôm sau, trong trại giặc cũng đồn lên rằng : « Côn quận-công vào thăm trại của Đại-vương mưu làm nội ứng ».

Đêm ấy quan quân đóng ở bờ sông bên kia đều trông thấy, nên càng tin lắm, đó là kế phản-gián của giặc Cầu.

Côn quận-công Đinh Văn Giai nghe thấy thế, lấy làm sợ lắm, không lấy gì biện-bạch cho mình. Từ đó chúa Trịnh lại càng không tin Giai, chúa mới sai Giai đem binh bản bộ đánh phía Tây, mà lấy Việp quận-công Hoàng Ngũ-Phúc để thay Giai ở Đông-đạo.

Từ đó về sau, ân sủng mỗi ngày một kém. Gặp lúc ấy, Hoàng tử Duy-Mật chạy về Thanh-hóa khởi nghĩa, khi đi lấy kim ấn của nhà vua ở trong cung mang theo.

Cái kim ấn ấy có giấu khuyết một góc, em gái của Hoàng-tử Duy-Mật là Ngọc-Trinh công-chúa có quen biết với mẹ Giai, đi lại chơi bời nhà Giai, bà mới vì em mà chiêu-dụ Giai về phe mình, Giai ban đầu không tin ; Công-chúa phải bảo Duy-Mật dùng kim ấn khuyết một góc để làm bằng, Giai còn do-dự chưa dám nhị tâm. Có người nói chuyện đến tai chúa Trịnh, chúa không nỡ giết ngay, lại vời Giai đem quân lên đánh phía bắc, giả phong Thượng-tướng-quân để xem chí hướng ra làm sao.

Giai lên bắc thì vừa gặp giặc Cầu ở Như-thiết (thuộc huyện Yên-dũng) đánh nhau bị thua to, Giai chết mất một người con trong trận này. Bấy giờ chúa Trịnh mới tan sự ngờ vực nhưng cũng tước cả chức hàm và binh quyền, cho làm thứ-dân thôi.

xem tiếp trang 23

---

(1) Coi Hải-dương phong vật chí, sách in của trường Bác cổ số A 882.

(2) Hải-dương phong vật chí sách in của trường Bác cổ số A 882.

(3) Châu này xưa là Thất nguyên, nay là Thất khê. Theo Khâm định Việt sử quyển XXXIII tờ 24 A thì việc Văn Tả làm trấn thủ Thất tuyền này ở tháng hai năm Lê Huyền Tông Cảnh-trị thứ sáu, 1668.

(4) Theo Khâm-định Việt-sử, quyển XXXIII tờ 34 a, thì trận cuối cùng của cuộc Nguyễn Trịnh giao tranh là trận năm Nhâm-tí niên hiệu Lê Gia Tông Dương đức nguyên niên, 1672. Trang sử ấy chép : Trịnh Tạc ép vua Lê đến Bắc bố chính. Tạc tiến xâm Trấn ninh, bị quân Nguyễn đánh lui : tháng 12 phải rút về. – Thế là Trịnh không thắng lợi. Như vậy có khác với đây.

(5) Khâm định Việt sử quyển XXXIV, tờ 3 b chép là Mạc Kinh Vũ.

(6) Có bản chép là Đặng Công Toản.

(7) Theo Nam Hải dị nhân.

(8) Hải Đông chí lược, sách chép của Bác Cổ Số A 103.

(9) Người làng Lôi-đông, huyện Thanh-hà.

SỬ HỌC LUẬN ĐÀN

BẢN ĐỒ THẬT NƯỚC CHIÊM THÀNH

(Có kèm bản đồ)

Tinh chử N. H. V.

L.T.S. — Trong bài « Việt Nam xưa đã thôn tinh mấy nước » đăng ở T. T. số 15, tác giả, ông Biệt-Lam, chỉ nói qua về nước Chiêm thành từ đời Lý Thánh Tông trở lại đây, khoảng đất từ Quảng bình đến Phan thiết, mà Việt nam đã dần dần thôn tinh vào những hồi nào. Độc giả xem qua bản đồ ở sau bài ấy đã chú thích thì rõ. Nay lại tiếp được bài « Bản đồ thật nước Chiem thành » của ông Tinh Chử, có ý khảo từ đời Lý Thánh Tông trở về trước, để biết rõ thêm về khoảng đất từ Quảng bình đến Quảng nam hồi xưa biến cải ra sao. Như thế lại càng thêm rộng cho phần khảo cứu về nước Chiêm thành. Vậy xin đăng ra đây để công đồng làm.

TRONG bài « *Việt-Nam xưa đã thôn-tinh mấy nước ?* » (T. T. số 15) của ông Biệt-Lam Trần Huy-Bá có câu : « Cứ theo sử sách ta chép thì Chiêm-thành, Vạn-tượng, Chân-lập, Qua-oa, Tam-phật-tề và Mãn-thích-đa v. v. đều đã bị ta thôn-tính ». Và để chua nghĩa bản-đồ của ông, ông có viết :

1· — « Năm 1067, vua Lý Thánh-Tông đánh nước Lâm-ấp, Chế-Củ bị bắt, xin dâng ba châu để chuộc tội là Địa-lý, Ma-linh và Bố-chánh, gồm cả quận Nhật-nam tức là Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ.

2· — Năm 1307, vua Trần Anh-Tông nhận hai châu Ô và Lý của Chế-Mãn dâng làm lễ cưới Huyền-Trân công-chúa, bèn đổi tên là Thuận-châu và Hóa-châu, tức tỉnh Thừa-thiên bây giờ.

3· — Năm 1402, Hồ Quý-Ly sai Đỗ-Mãn đánh nước Chiêm-thành. Vua nước ấy là Ba-Bích dâng đất Chiêm-động (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam). Quý-Ly lại bắt phải dâng đất Cổ-lũy, gồm lại đặt thành bốn châu, tức phía bắc đất Quảng-ngãi bây giờ ».

Nghĩa là mấy tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ, và Thừa-thiên, Quảng-nam nguyên là của nước Chiêm-thành. Có phải thật là nguyên của Chiêm-thành không ? Những giòng sau đây sẽ giải rõ.

Vào khoảng giữa thế-kỷ thứ 6. Thời ấy, nước ta đặt dưới quyền bảo-hộ của Tàu, thường bị bọn tham-quan nhũng-nhiễu. Một người văn vừa hay, võ vừa giỏi, Lý-Bôn, lấy nhân tâm lúc ấy làm hậu-thuẫn, nổi lên đánh đuổi quân Tàu và lên ngôi, tức là vua Lý Nam-Đế. Thừa lúc ta còn đương lộn-xộn, quân Chiêm-thành tràn qua xâm lấn Vạn-Xuân (quốc-hiệu ta lúc ấy). Thì vừa bình xong giặc Chiêm, Lý-Bôn lại phải chống với quân nhà Lương và phải bịnh rồi mất (548).

Quân ta gần tàn thì Triệu-Quang-Phục lại đứng lên làm cái công việc của Lý-Bôn 4 năm về trước. Nhưng chưa được hưởng cái chiến công của mình thì Lý-Thiên-Bửu, anh vua Lý Nam-Đế, cùng với một người trong họ là Lý Phật-Tử quây rối ở quận Cửu-chân, nhưng bị quân Tàu đánh thua, chạy sang Ai-lao, xây thành bên con sông Đào (?) và tự tôn là vua xứ Đào-lang. Lý Thiên-Bửu mất năm 555.

Lý Phật-Tử nối ngôi, và muốn đặt quyền thống-trị trên tất cả giải đất Vạn-Xuân như vua Lý Bôn trước. Nhưng còn Triệu Việt. Hai bên đương đầu tranh giành nhau mãi, nhưng Triệu-Việt không đành lòng để dân-chúng chịu cảnh lầm-than mãi, xin hoà và đất thì cắt chia đôi nam bắc. Lý cai-trị miền Nam, giải đất chạy từ Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa đến Huế ngày nay (1).

Lúc ấy, từ thế-kỷ thứ 4 đến thứ 6, giống Giao-chỉ dời dần địa-cư ra khỏi chốn rừng rú, lìa non cao để xuống đồng bằng đất thấp, từ dải Trường-sơn xuống dọc theo miền duyên-hải, một dải đất rộng chạy từ Quảng-châu gần tới Huế (tỉnh Thừa-thiên) (2).

Lý Phật-Tử sau vụ rạch đôi sơn-hà với Triệu-Việt lại trở lại đánh

Thống Chế Pétain đã nói :

« Các người phải tin-cậy bản-chức vì bây giờ, bản-chức chỉ có mệnh-lệnh này ban ra : Ai ai cũng phải làm trọn nghĩa-vụ trong vòng kỷ-luật, trật-tự, bình-tĩnh ».

nữa. Triệu tự-tử. Còn một mình, Lý không biết gìn-giữ giang-sơn, để quân của Lưu-Phượng nhà Tùy đến tận cửa nhà hạ trại.

Năm 618, nhà Tùy mất. Nhà Đường lên thế, đặt một chánh-thể mới ở nước ta, An-nam đô-hộ-phủ, chạy từ khoảng biên-giới Bắc-kỳ ngày nay đến tỉnh Quảng-nam (3).

Cũng vào khoảng ấy, dân ta dời dần địa cư, cuộc nam-tiến của ta âm-thầm bắt đầu.

Hồi ấy, ranh đất không được rõ-rệt. Bản-đồ trước nhứt ở nước ta mới có từ đời vua Lý-Anh-Tông (1138-1175) trong lúc ngài du-hành nam 1172, sai dựng. Và thuở ấy không có thuế ngụ-cư người ngoại quốc như ngày nay, nên sự đi lại của hai dân-tộc dễ-dàng hơn. Mà dân Nam và dân Chàm mỗi lần đụng nhau là mỗi lần nảy lửa, một chứng tỏ đánh-rành là hai nước phải nạn can-qua luôn. Vì sự hiềm-khích ấy dân ta không thích sống cạnh dân Chàm. Và có lẽ cũng vì mới dời địa-cư, lạ đất lạ nước, chân ướt chân ráo, dân ta mới trở về những miền đã khai phá, đã sống ở đấy toàn với người Nam. Một lẽ nữa là hồi ấy vùng đó chưa được phì-nhiêu, triền núi chạy ra gần sát mé bể, nên dân ta bỏ đề rồi dân Chàm lấy làm của mình.

Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 9, nạn quân Chiêm xâm-lăng bắt đầu trở lại dữ hơn lần trước, đi đến xứ Nghệ. Quân ta bại một lúc, trở lại đuổi quân Chàm ra khỏi tỉnh Quảng-nam ngày nay (808) (4).

Nhưng đến vua Lê Đại-Hành (980-1005), quân Chiêm trở lại nữa, và cũng thua như mấy lần trước. Quân ta khi toàn thắng thì chỉ lo vơ vét của-cải người Chiêm rồi rút về, chớ không ở lại giữ đất, thậm chí đến lấy đất của mình đánh được chia cho tù Chiêm cày cấy cốt để dân trong nước mình được đông hơn. Ấy là vua Thái-Tông nhà Lý (1028-1054). Mấy phần đất phân-phát vừa nói trên, được phép hợp lại thành làng và lấy tên như ở bên xứ Chiêm. Chính những phần đất ấy, Chế-Củ, vua Chiêm, lại đem dâng cho vua Lê Thánh-Tông để chuộc tội năm 1067. Và cứ mỗi lần thua, là mỗi lần dâng một phần đất, tức là vùng hoang-liêu trước kia ta không thèm mà lại vì tình-cờ của lịch-sử trở lại với ta nữa, như mấy lời chép lại của ông Biệt-Lam Trần Huy-Bá ở đầu bài.

Thế thì những châu Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính (Quảng-bình, Quảng-trị) và hai châu Ô, Lý (Thừa-thiên) nguyên xưa kia là một vùng hoang-vu mà thiểu-số dân-tộc không cần đến, nên không phải là của ai cả. Mấy châu đó là của người Việt-nam, nếu người Việt-nam lúc ấy có ý

xem tiếp trang 21

(1) Tài liệu trong bài lấy ở bộ « Les institutions annamites en Basse Cochinchine avant la conquête française» của Alfred SCHREINER in năm 1900, trương 45.
(2) trương 47.
(3) trương 48.
(4) trương 50.

Cải chính

Trong bài tựa quyển « Tập Kiều » của ông Tú Poanh do nhà in Quang Hoa xuất bản, trang nhất, giòng thứ tư đã in nhầm chữ « Phan » làm chữ « Chu » (xin đọc văn-sĩ họ Phan tức là cụ Phan mạnh Danh tác-giả quyển Bút Hoa do nhà Nguyễn trung Khắc xuất bản, những câu thơ trích ở tập « Bút Hoa »).

Vậy nay đính chính cho đúng để dễ việc tham khảo.

TIỀN ĐÀM

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Cùng chung trong Đại-Đông-A, người Annam biết thời vụ đều đọc :

" TÂN Á "

« **TÂN Á** » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandat xin đề :

Maison ASAU

72, *Rue Chaigneau Saigon*

Téléphone N° 21.755

Adr. télég. AULLEVANT - Saigon

Có thật là danh nhân không ?

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cách đây vài tháng, nhà Tân dân có xuất bản một quyển *Danh nhân Việt Nam qua các triều đại*. Quyển ấy nói về thời *Lê mạt*, nhưng lại đề là quyển thứ nhất ! Tác giả là ông Phan Trần Chúc, viết ở bài tựa rằng : « Trong bốn chữ « danh nhân Việt Nam », ông « muốn trỏ : 1, các bậc vĩ nhân đã có công mở nước hay gây nền độc lập cho dân tộc Việt Nam ; — 2, các bậc đế vương có tài giúp cho dân tộc được thái bình ; — 3, các vị danh thần biết trọng danh tiết và hết lòng giáo hoá cho dân ; — 4, các vị mãnh tướng lập được những công trận vẻ vang ở chiến trường ; — 5, các vị danh hiền đã giúp vào nền văn hoá của dân nước ; — 6, các vị liệt phụ đã neo gương tiết nghĩa cho đời sau ».

Bài tựa nói rành mạch như thế, mà bài thứ nhất lại soạn khác hẳn đi ! Bài thứ nhất chép truyện vua Chiêu thống, tức Lê Mẫn đế, 1786-1789 : ai đọc qua cũng phải ngạc nhiên mà tự hỏi rằng : không có « công mở nước », không « có tài giúp dân », không có sức « lập công vẻ vang ở chiến trường », thì liệt vào hạng « danh nhân » làm sao được ? Chính ở trong sử cũng đã kể tội rõ ràng như sau này : « Vua Chiêu thống là người tính khí hẹp hòi khắc bác : con gái tôn thất, có người lấy tướng Tây sơn, đã chửa, vua Chiêu thống sai mổ bụng ; lại sai chặt chân ba người hoàng thúc đem ném ở chợ cung : nhân tình nhao nhao nghi sợ, sinh ra nhị tâm. Tháng 11 năm mậu thân 1788, hoàng thái hậu từ bên Tầu về đến Thăng long, nghe vua Chiêu thống làm điều trái ngược : việc thưởng phạt chỉ theo ý riêng, lúc mừng lúc giận, chứ không xét rõ công, tội ; thái hậu giận lắm, nói rằng : « Ta cay đắng mới xin được viện binh về đây, nhà nước đã trải bao phen phá hoại vì ân vì thù : cứ như thế này thì nước mất đến nơi ! » Kêu khóc không chịu vào cung : tụng thần là Nguyễn huy Túc khuyên giải mới thôi. » (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 47, tờ 39 a.)

Đấy là nói về bài đầu quyển *Danh nhân Việt Nam*. Đến bài cuối, là bài chép truyện Nguyễn-hữu-Chỉnh, cũng thấy trái ngược như thế. Chính tác giả đã phải nói rằng : « Nếu thuyết anh hùng tạo thời thế đúng với sự kinh nghiệm thì Nguyễn - hữu - Chỉnh không thể không bị liệt vào hạng « tội nhân số một » của dân tộc Việt Nam . . . »

Thế sao lại chép vào sách *Danh nhân* ? Giả chép có đúng thì cũng còn bổ ích đôi chút, nhưng chép lại sai : ở truyện vua Chiêu thống, trang 20, tác giả nói « chúa Trịnh sau cùng là Đoan Nam-vương Trịnh Khải », đến truyện Nguyễn hữu - Chỉnh, trang 132, lại chép chúa sau cùng là Yến đô vương Trịnh Bồng ! Chính Trịnh Bồng, 1786 - 1787, mới là chúa sau cùng.

Còn Trịnh Khải, 1782-1786, thì trong *Nam sử tập biên*, là sách viết của Bác cổ, số A 12, quyển 6, tờ 16 a - 17 a, chép truyện với Lý-Trần-Quán như sau, tôi dịch một vài đoạn để độc giả so với sách ông Phan Trần-Chúc : « Năm bính ngọ 1786, Trịnh Khải thân đốc tướng sĩ bày trận ở bến Tây luông, địa phận thôn Hậu lâu, huyện Thọ xương. Nguyễn-Huệ tới nơi, quân chúa Trịnh dở giáo, chạy đi hết cả. Tây sơn vào thành Thăng long, đốt phủ chúa Trịnh. Trịnh Khải lên voi, cùng với hơn một trăm quân, chạy đến xã Hạ lôi, lộ Sơn tây, rồi quân tan hết. Chợt gặp chức Thiêm sai coi về lại phiên là Lý-Trần-Quán, trước vâng hịch chiêu mộ nghĩa binh ở đấy.

Lý-Trần-Quán là người làng Vân canh, huyện Từ liêm, đỗ tiến sĩ khoa bính tuất 1766; người giản dị chất phác, tính rất hiếu : khi cư tang, làm nhà coi mộ ba năm. Lý-Trần-Quán sai môn sinh là Nguyễn-Trang hộ vệ Trịnh-Khải, và nói dối Trang rằng : « Đấy là quan Tham chính Bùi-huy-Bích đi lánh nạn, nên đưa qua khỏi địa-đầu. » Nguyễn Trang biết là Trịnh Khải, bèn cùng đẩy tớ bức đưa đến dinh Tây sơn (nguyên văn là tặc dinh, dinh giặc). Lý Trần Quán nghe biết chuyện, chạy theo lạy khóc, lấy nghĩa dỗ Trang. Trang nói : « Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình », nhất định kéo Trịnh Khải đi. Trịnh Khải tự vẫn chết, bấy giờ là ngày 28 tháng sáu năm bính ngọ 1786.

« Nguyễn Trang vì có công được thăng trấn thủ Sơn tây.

« Lý Trần Quán bảo quán chủ rằng : « Tôi là bề tôi mà làm nhầm chúa, tội nên chết : không chết không lấy gì tỏ được lòng này với giời đất ! » Nói rồi xin quán chủ sắm cho một cỗ áo quan và một chỗ đất chôn, ngảnh hướng nam, lạy hai lạy ; xong xuôi vào nằm trong áo quan, miệng đọc rằng :

(Xem tiếp trang 16)

NAM DÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

Lối thơ tân thành lập

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo nhân

Khúc-giang gặp mưa cảm-tác

Đỗ-Phủ

Nguyên Đường-âm:

Thanh thượng xuân vân phú uyển tường;
Giang-đình vãn sắc tình niên phương.
Lâm hoa trước vũ yên-chi lạc ;
Thủy hạnh khiên phong thúy-đái tràng.
Long-vũ tân-quân thâm trú liễn ;
Phù-dung biệt-điện mạn phần hương.
Hà thời chiếu thử Kim-tiền hội,
Tạm túy giai-nhân cầm-sắt bàng ?

Dịch Nam đàn :

Tường ngự-uyển, mây xuân lồng sắc vãn ;
Cảnh giang-đình, tầm mắt tình ngoạn gần xa.
Kìa thủy hạnh, nọ lâm hoa,
Gió bay giải thúy, mưa pha phấn hồng.
Quân Long-vũ thẳm-nghiêm vòng liễn ngự ;
Điện Phù-dung ngơ ngẩn sự hương thiêu.
Kim-tiền hội những ước ao :
Lẳng cung đàn gẩm, cạn nhiều chén khuyên.

Chú-thích

Khúc-giang — Tức Khúc-giang trì, ở kinh Tràng an, vua Huyền tôn từng khơi tạc để làm nơi du thưởng, có biệt uyển gọi Phù-dung uyển, biệt điện gọi Phù dung điện. Khúc giang nay thuộc tỉnh thành Thiểm tây.

Long vũ — Một quân hiệu mới của vua Túc tôn.

Liễn ngự — Xe kiệu vua Túc tôn làm ngự trong quân ; liễn là thức xe kiệu.

Hương thiêu — Thiêu nghĩa là đốt. Nhà Đường khi ấy trải qua loạn lạc, cuộc ngự du đa bãi, thần dân chỉ còn đốt hương bái vọng.

Kim tiền hội — Đời Huyền tôn năm Khai nguyên, ngày thượng tỵ ban yến cho thần dân đủ các thứ âm nhạc làm vui; nhất là bộ nữ nhạc, có nhiều hạng giai nhân gẩy đàn cầm sắt khuyên mời trong tiệc rượu. Khi ấy nhà vua tung nêm tiền vàng ra từ phía để ban thưởng cho quân dân, tên gọi là «Kim tiền hội ». Nay Đỗ-Phủ nhắc lại việc ấy là tỏ ý khao khát cảnh tượng thái bình. Cầm sắt là chiếc đàn sắt vẽ hoa như nét gẩm.

Đăng lâu

Đỗ Phủ

Nguyên Đường âm :

Hoa cận cao lâu thương khách tâm;
Vạn phương đa nạn thử đăng lâm!
Cẩm giang xuân sắc lai thiên địa;
Ngọc lũy phù vân biến cổ câm.
Bắc cực triều đình chung bất cải;
Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm.
Khả lân Hậu chúa hoàn từ miếu,
Nhật mộ liêu vi Lương phủ ngâm!

Dịch Nam đàn :

Buổi đăng lâm, lầu cao hoa hớn hở;
Khách thương tâm, vì thế-sự lúc gian nan.
Cẩm, kìa thủy, Ngọc, kìa san;
Xuân bầu thiên địa, mây làn cổ kim.
Ngôi cực-bắc, cùng chiêm sao Đế-tọa ;
Giặc non đoài nỡ để dứa thiên-kiêu !
Miếu ông Hậu-chúa nơi nao ?
Ngâm câu Lương-phủ, ngày chiều thần-thơ.

Chú-thích

Đăng-lâm — Đáng chốn cao, lâm chốn thấp, thường nói đang sơn lâm thủy v. v.

Cẩm kìa thủy, Ngọc kìa san—Sông Cẩm-giang, núi Ngọc-lũy đều thuộc địa-dư đất Ba-thục, nay là tỉnh Tứ-xuyên.

Mây làn cổ-kim — Ám-chỉ việc đời biến-đổi.

Ngôi cực-bắc — *Thuyết* thiên-văn cổ : Bắc-cực tức là tòa Tử-vi-viên, là nơi Thiên-khu, có ngôi sao Đế-tọa. Kể ra để ám-chỉ triều-đình nhà Đường.

Giặc non đoài — Tức rợ Thổ-phồn, ở mé tây-bắc nước Tàu. Triều vua Đại-tôn nhà Đường bị giặc ấy xâm-nhiễu, Tràng-an thất-thủ, thiên-hạ rối-loạn.

Thiêu-kiêu — *Con* kiêu của trời, nói kẻ giặc hung mạnh. Chinh-phụ : « *Nguyện tương xích kiếm trảm-thiên-kiêu* ».

(xem tiếp trang 16)

TÀI LIỆU ĐỀ ĐÍNH CHÍNH

NHỮNG BÀI VAN CỔ

Số 50 — *Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ*

CXXXV

KIM VÂN KIỀU (bài nối)

Sinh nghi xin dạy bao nhiêu cho tường.
Phương bản chép là « bao nhiêu *đấy trình* »
Ngạt *nhà nhờ tượng người thương dám nài !*
Ông Nguyễn văn Vĩnh chép là « *Rớp* nhà »
Giơ tâu ngã giá, chịu *ngoài bốn trăm.*
Quan văn Đường chép là « *ra* ngoài bốn trăm » ;
Kim Vân Kiều truyện chú và bản quốc ngữ của ông Vĩnh chép là « *vâng* ngoài bốn trăm ».
Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong !
Các bản chép là « tiền lưng đã *có* ».
Nỡ đầy đọa trẻ, càng oan khốc già.

Ông Vĩnh chép là « càng oan *thác* già ». Có lẽ chữ *oan khốc* ở kinh bản (*Đoạn trường tân thanh*), tờ 17 b) phải hơn, vì câu này là bố Thúy Kiều nói nếu không chết thì bố con cùng khổ ; dùng chữ *oan thác* thì không đúng nghĩa.

Theo lời càng *chảy dòng châu.*

Bản chú thích và bản quốc ngữ của ông Vĩnh chép là « *như* chảy dòng châu ».

Chồi thông *tuổi hạc càng cao.*

Quyển chú thích viết là « *Thông già* », Quan văn Đường in là « *Thông huyên* », sách quốc ngữ của ông Vĩnh chép là « *Cối xuân* ». Chỗ này không kể đến mẹ Thúy Kiều, thì dùng « *Thông huyên* » không phải : còn ba chữ kia, đúng nghĩa cả.

Thà rằng liều một mình *con.*

Các bản chép là « một *thân* con ».

Áo dầm giọt tủi, tóc chia mái sầu.

Quan văn Đường in là « áo dầm dọt *lệ, tơ se mối* sầu », quyển chú thích viết là « *mây* xe mối sầu », ông Vĩnh chép là : « *Áo đầm giọt lệ, tóc* xe *mái sầu* ».

Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời,

Các bản nôm đều viết chữ « *chút* lòng », nhưng chỗ này đọc là *xót* thì phải nghĩa hơn, vì Thúy Kiều một mình ngồi nghĩ sắp phải đi lấy chồng mà chồng lại không được xứng đáng, nên thương đến Kim Trọng.

Kiếp này thôi thế là thôi còn gì !

Các bản chép là « *thì* thôi còn gì ».

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Cụ Kiều oánh-Mậu dẫn tích rằng : « xưa có người nợ không trả, sau chết thác sinh làm trâu ngựa nhà người ta để đền trả ».

Nỗi *riêng, riêng những bàn hoàn.*

Ông Vĩnh chép là « *Niềm* riêng ».

Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han.

Quan văn Đường và quyển chú thích chép là « hỏi *than* ; ông Vĩnh chép là « *thở than* ».

Nỗi riêng còn mắc mối *tình chi đây.*

Quan văn Đường chép là « *với* tình chi đây ».

Rằng : « *lòng* đương thổn thức *đây* ».

Quyển chú thích chép là « Rằng lòng *rộn rã đã* đầy ».

Giữa đường đứt *gánh tương tư.*

Các bản chép là « *dứt* gánh ».

Hiếu tình khôn nhẽ *hai bề vẹn hai.*

Ông Vĩnh chép là « *có dễ* » ; có bản nôm chép là « *có nhẽ* » !

« *Chiếc thoa với bức tờ mây,*
« *Duyên này thì giữ vật này của chung* ».

Về bức tờ mây quyển *Kim Vân Kiều truyện chú*, là sách viết bằng chữ nho của Trường Bác cổ, số A B 233, tờ 59 a-b, chép như sau này : « Thúy Kiều rỏ nước mắt. mài mực, viết thư rằng : « Thúy Kiều này là người bạc mệnh, tai vạ xảy ra trong chốn tiêu tường, không làm nổi như Đề-Oanh kêu oan thay cha, chỉ làm được như Lý-Ký bán mình chuộc tội. Bị nạn nhà phải bán mình, nói đến chàng thì chịu nhục. Đáng xấu thay ! Đáng giận thay ! Nhớ lại khi dưới đèn ném thoi cự tuyệt, lại làm cho thiếp thành án bạc tình. Chàng nghĩ đến đây, khỏi oán sao được ? Thiếp tự nghĩ đã chịu án bạc tình thì không thể chuộc được, nay kính đem tiểu muội thay chức hạ-trần, — đứng vào hàng sau bọn thị thiếp. Chàng

(Xem tiếp trang 14)

CÁCH ĐẶT TIẾNG VIỆT

mới dùng làm chữ chuyên-môn

(Tiếp theo)

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Vì bản-năng tiếng việt-nam, và bản-năng tiếng chuyên môn như thế (xem đoạn *Tiếng chuyên-môn*), nên không dùng lối dịch nghĩa hay diễn nghĩa được, vì diễn nghĩa tức là một cách ghép chữ không biến thể.

Hìnhtamgiác, đườngphângiác, đườngthẳnggóc, chỏtiêuhình, dầu có viết liền cả mấy chữ lại với nhau, khi đọc lên, nghe nó cũng vẫn riêng rẽ tách-bạch nhau ra mỗi đoạn thành ba chữ, không làm thế nào cho mỗi đoạn thành một chữ liền nguyên một khối được, không thể dùng làm chuyên môn tự được.

Không dùng được lối ghép chữ, tất phải dùng lối cải chữ.

Trong mười lam cách cải chữ của tiếng viết thì chỉ có hai cách, nói líu (contraction) và nói lái (métathèse) là dùng tiện lợi dùng mãi mãi được thôi.

Nói líu (contraction) theo điệu *hai mươi* thành *băm*, *ba mươi* thành *băm*, *chị ấy* thành *chĩ*, *ông ấy* thành *ổng*, *trên ấy thành trền y như* thành *in*. Có làm thế mới có thể kết chặt hai chữ là một được, và mới dùng nó làm chuyên-môn tự được

Khi nào không dùng được lối nói líu thì mới phải dùng đến lối nói lái (métathèse) vì lối nói lái là một lối đặt chữ chuyên-môn của các phường bạn (corps de métiers) nghe nó không được chững-chạc, vả nó còn lôi thôi. Hai chữ, hai vần, đảo âm đảo khuôn, đảo giọng, rút cục vẫn còn hai vần, nghe vẫn thấy hai chữ cũ. *Ngu đi* nghe vẫn thấy là *đi ngủ*, lôi-thôi, giòng dài, không chững-chạc, sự cải-tảo không có gì là thuần túy cả. Vì vậy khi nào bần-cùng mới phải dùng đến lối nói lái, mà lái rồi thì nên hai vần chọn một, bỏ một.

Dùng cách nói líu và cách nói lái thì không cần phải mượn tiếng ngoại quốc làm can-tự mà khoa, học việt-nam sau này tiến đến đàu có chữ ngay đến đó. Tiện-lợi lắm. Dùng tiếng nước nhà làm can-tự thì học-sanh sau này đọc đến chữ chuyên-môn nào có thể suy nguyên chữ đó mà dễ hiểu, dễ nhớ. Dùng tiếng ngoại-quốc làm can-tự thì học-sanh lại phải biết tiếng ngoại-quốc mới hiểu và dễ nhớ được.

Nhưng có một trường hợp khiến mình nên dùng thêm lối việt-hóa tiếng ngoại-quốc là khi gặp những danh từ đã được các hội nghị của vạn quốc khoa-học công nhận rồi.

Vậy việt-hóa tiếng ngoại-quốc là việt-hóa những chữ của vạn quốc khoa-học ngữ, chớ không phải hễ thấy chỗ nào người Pháp, người Đức, người Anh nói và viết na-ná giống nhau thì mình mang những chữ ấy ra để mà việt-hóa đi đàu. Những chữ như thế, ở Âu-châu nhiều lắm. Việt-hóa nó để làm gì ?

Thế nào là việt-hóa tiếng ngoại-quốc ?

Đừng lầm lối việt-hóa với lối diễn âm hay phiên âm.

Việt-hóa tiếng ngoại-quốc là lấy tiếng ngoại-quốc, chẳng hạn tiếng mên, tiếng lào, tiếng tàu, tiếng nhật, tiếng pháp, tiếng đức, bất cứ tiếng nước nào, rồi biến-hóa nó đi cho nó in tiếng an-nam để cho nó có thể thành ra tiếng an-nam như những tiếng cái thùng, cái bồn, giây thừng, cần câu, con dao, cân lạc-xường chiếc bít-tất, cốc cà-phê, đĩa bí-tết, cục xà-phòng gói bột tạt, cái xoong nhom. Thế là việt-hóa.

Còn diễn âm tiếng ngoại-quốc là lấy vần quốc-ngữ phóng âm tiếng nước ngoài. Diễn âm càng khéo bao nhiêu càng giống tiếng ngoại quốc bấy nhiêu, tỷ dụ như pec-mang-ga-nat, a-luy-mi-ni-om là diễn âm tuyệt khéo, gần giống tiếng pháp nhưng ngọng tiếng việt. Làm như vậy tức là « lai hóa tiếng việt nam » chớ không phải việt hóa tiếng ngoại-quốc.

Lã-phụng-tiên, Mai-nương Lệ-cốt là việt-hoá rất thần tình, mà La-phông-ten, Ma-nông Lếch-cô là diễn âm rất khéo.

Hai lối tuy có tửa tựa nhau ở chỗ hình thức nhưng khác nhau ở chỗ tinh thần nhiều lắm : dùng cả hai lối trong một đoạn, tai mình nghe cũng thấy ngay là tuy gần giống nhau mà không lẫn được, tỷ dụ pec-mang-ga nát đờ bột tạt.

Nếu lời nói trên kia của các nhà ngữ-tự học người Pháp mà thiêng thì những chữ như pec-mang-ga, a-luy-min nó không thể sống được trong bầu không-khí việt-nam. vì nó không đúng với khuôn âm tiếng việt, không có tinh-thần tiếng việt.

Vậy các nhà khoa-học việt-nam có muốn viết khoa-học bằng tiếng việt-nam, phải kiêng kỵ hai điều là diễn nghĩa và diễn âm.

Lối diễn âm không dùng được là vì những chữ đặt ra bằng lối ấy nó ngô nghê, giòng dài, chẳng phải tây mà cũng chẳng ta.

Thế nào là tiếng ta ?

1·) Tiếng ta có sáu giọng, đơn kép cao thấp. Giọng đơn như bằng, huyền, sắc, nặng, kép như hỏi và ngã. Tám giọng là các ông tây nám viết mẹo ta vẽ vời cho nó giống tầu đấy thôi.

2·) Tiếng ta có biến-hóa theo nghĩa, có liên can thúc bá tỷ dụ như miệng miếng, một mốt, đao dao ; ngồi ngôi ngai ngài, năm lăm nhăm dam, v.v. Le mot annamite n'est pas invariable.

3·) Tiếng an-nam nhiều chữ hai vần (mots simples dissyllabiques) mà các nhà viết van phạm vẫn lầm là tiếng kép (mots composés). Tên các động-vật, thực-vật cùng những chữ phụ-động (adverbes) phần nhiều là chữ lưỡng vận.

Nhưng tiếng an-nam ròng chỉ có đến hai vần là cùng thôi.

Nói một cách có vẻ hàm hồ nhưng không phải là vô can cứ thì hễ tiếng nào cuống họng người nhà quê an-nam nói được ngay, không ngọng ngịu thì tiếng đó có thể thành ra tiếng an-nam được. Thanh nào không hợp cai khuôn âm của người an-nam sẽ bị đào thải.

Vậy khi việt hóa tiếng ngoại-quốc để tạo ra tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên-môn, muốn cho nó trường thọ phải coi chừng.

Nếu không cần phải viết tắt theo vạn quốc khoa học ngữ, thì *sodium* gọi ngay là *som*, *calcium* là *com*, *potassium* là *bom*, theo điệu người thường dân gọi *aluminium* là *nhom*, là phai. Chớ bảo người thường dân là những người vô tri-thức mà không theo. Chính nhờ những người ấy mà ngày nay ta còn một nền văn-hóa và một thứ tiếng có thể gọi là an-nam được. Chỉ những tiếng của người thường dân đặt ra mới là tiếng dòng dõi, có đủ tư-cách để trường thọ trong một đất nước (xem về *La vie des mots*).

Những tiếng như nhà *xoong*, *nhom* là những tiếng hoàn-toàn mới và an-nam 100% cũng như những tiếng *săm*, *lốp*, *cà-phê*, *xà-phòng* ở tiếng pháp ra và không khác những tiếng *nhặng*, *thừng*, *bồn*, *cần câu*, *dao phay*, ở tiếng tàu ra.

Nhưng nếu vì *aluminium* theo vạn quốc khoa-học phải viết tắt là *al*, thì sao không gọi là *a-lu*, *a-lom* gì đó có gọn không, hay *ả-lòm ả-lỏng* chỉ để cho nó có vẻ đặc biệt là tiếng việt có được không ?

Sao lại gọi là « a-luy-min », hay « a-lu-mm » cho nó giòng dài mà lại lai mất 99% ? Người An-nam không biết tiếng pháp đọc nó vẫn lúng túng ngượng miệng. Vậy phổ-thông khoa học cho ai ? Cho người thông tiếng tây, cho người thông chữ nho, hay cho những người chỉ biết tiếng an-nam, chỉ đọc được vần quốc ngữ, chỉ ưa và chỉ nhớ được những tiếng có vẻ an nam 100% thôi ?

Tiếng an-nam ròng không có chữ ba vần. Những chữ như a-luy-min khong bao giờ nhập tịch vào lang an-nam được. Nếu có ép cho nó thành thì sau này theo thói tự nhiên (loi du moindre effort) nó cũng cụt mất khúc đòi mà chỉ còn có *a-luy* thôi. Thói lười là một cai luật tôi can hệ cho sự song-còn cho một chữ theo các nhà ngữ-tự học, Cái vần *min* nó không cần gì, tự nhiên nó phải chết.

Nhưng, gọi aluminium là a-luy được thì sao không gọi nó là a-lom tiện gọn chẳng kém gì a-luy mà lại có vẻ an nam hơn. Vả lom với dom, nhom, nhi om, in om là cùng một vần nghe nó hơi giống nhau như dam, nham, lăm, nam, thì a-lom lại trả gần chữ aluminium hơn a-luy hay a-lu sao ?

Bởi vậy, nên trong bài Adaptation, mang cái phương pháp việt-hóa tiếng ngoại quốc ra để ứng dụng nó trong hoá học, tôi mời đặt viếng a-lom để chỉ thứ kim khí mà người pháp gọi là aluminium, mà vạn quoc khoa học viết tắt bằng al.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

(Tiếp theo trang 11)

nếu chẳng bỏ, xin phủ thành cho, ngõ hầu đền chút thảm tình trong muôn một. Bên giời góc bể, sắp phải lên đường, thề nguyền dưới giăng, đã thành vọng tưởng ; Hồ cầm một khúc, oán cầm mệt cây, hương thừa một nắm, ngày sau những khi chang cùng tiêu muội, đốt hương gẩy đàn, theo vần sướng họa thấy khói hương phang phất, luồng gió lạnh lùng, ấy là hồn thiếp đó, xin tưới cho chén nước để rửa oán hồn, thì thiếp đội ơn nhiều lắm. Kể còn người khuất, kể hết ở đây giấy ngắn tình dài, kể sao cho xiết ! Mong rằng : gìn giữ thân thể, xin chớ lo nghĩ đến thiếp. — Thư này dùng chàng Kim là người đã thề nguyền, nay ở ngoài nghìn dặm, soi thấu. Nhục ái thiếp là Vương thúy Kiều khép vạt áo kính lạy ». Trên mặt phong bì viết năm chữ « Thiên lý minh huynh khải », nghĩa là người cùng thề với tôi ở ngoài nghìn dặm mở xem. Lại xé một cái quần trắng, cắn ngón tay giữa, lấy máu viết bức thư tình, như thế này : « Từ khi chàng đi khỏi, tai vạ nhà thiếp xảy ở chốn tiêu tường, thiếp mong mỏi chàng về, đau như cắt ruột ! Cha thiếp bị mắc oan, việc thiếp là phải cứu. Đàn tỳ bà cầm đến, thật xấu hổ với chàng ! Nước cầm thuy có cá, núi ngọc sơn có hươu : giống vật kia còn biết thân yêu, huống chi là người ! Than ôi ! người đời khó nhất là lúc phân ly ! . . . Thư không hết lời, lời không hết ý ! Tới lúc từ biệt, kính lạy mấy lời, muôn vàn trân trọng.— Thư này gửi lại chàng Kim ở ngoài nghìn dặm. Nhục ái thiếp Vương thúy Kiều liễm khâm bách bái.— Thêm một bài thơ, lời văn quê kệch, tình cảnh biệt ly, không ngờ lại thành được vần : bài này chính là một giọt máu trong lòng thiếp. Thơ rằng : Một bức thơ đau lòng khi lâm biệt, lúc niêm thơ, tình cảnh bồi rồi. Bên khe mây nước, chim nhạn giật mình, khói tỏa bờ hồ không ai tăm cá. Sắc liễu rủ buông, mùa xuân đang tốt, hoa mai gẩy nát, tình ý làm sao ? Nếu chàng còn có thương nhau nữa, xá kể Đông hoang thúc giục đi ! » Bức thư thứ hai này dịch theo ý nghĩa, chưa thật đúng lời văn, vì bản chữ nho thiếu mấy câu và nhầm mấy chữ.

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh. sách đã được bán kèm sách duyệt y (1) 1p 25

2°) *Việt nam văn phạm* Trần-trọng Kim 2p. 50

3°) *Grammaire Annamite* Trần trọng-Kim. 3p. 50

4°) *Phật lục,* Trần-trọng Kim, 0p. 80

5°) *De Hanoi à la Courtine* Phạm duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐAO SÔNG *sách thường 2$00* *sách đẹp 4$00*

« J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieux m'en présentés de chacune de ses doctrines. Je vous félicite... »

P. DELSALLE

Président Supérieur au TONKIN

Những sách như sách Đao Sông này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

sách thường 1$50 *sách đẹp 3$00*

A la fois sinologue et artiste, Ng.-x. Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émus des resultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

...La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyễn-văn-Tố

THI THOẠI

Dày non 300 trang giá 2p.

Mua một cuốn, xin gửi liền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê-văn-Hòe, giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

DỊCH THƠ TÂY

La mort du loup

(suite et fin)

J'ai reposé mon front sur mon fusil sans poudre,
Me prenant à penser, et n'ai pu me résoudre
A poursuivre sa louve et ses fils, qui, tous trois,
Avaient voulu l'attendre, et, comme je le crois,
Sans ses deux louveteaux, la belle et sombre veuve
Ne l'eût pas laissé seule subir la grande épreuve ;
Mais son devoir était de les sauver, afin
De pouvoir leur apprendre à bien souffrir la faim,
A ne jamais entrer dans le pacte des villes
Que l'homme a fait avec les animaux serviles
Qui chassent devant lui, pour avoir le coucher,
Les premiers possesseurs du bois et du rocher

***

Hélas ! ai-je pensé, malgré ce grand nom d'Hommes,
Que j'ai honte de nous, débiles que nous sommes !
Comment on doit quitter la vie et tous ses maux,
C'est vous qui le savez, sublimes animaux !
A voir ce que l'on fût sur terre et ce que l'on laisse
Seul le silence est grand ; tout le reste est faiblesse
— Ah ! je t'ai bien compris, sauvage voyageur,
Et ton dernier regard m'est allé jusqu'au cœur !
Il disait : « Si tu peux, fais que ton âme arrive!
A force de rester studieuse et pensive,
Jusqu'à ce haut degré stoïque fierté
Où naissant dans les bois, j'ai tout d'abord monté.
Gémir, pleurer, prier est également lâche.
Fais énergiquement ta longue et lourde tâche
Dans la voie où le sort a voulu t'appeler.
Puis, après, comme moi, souffre et meurs sans parler. »

A. DE VIGNY

Cái chết của chó sói

(tiếp theo và hết)

Ta gục trán trên nòng súng rỗng,
Nghĩ vẩn vơ súc động lòng từ,
Chẳng đành giết nốt cả ba
Mẹ con sói vẫn đợi cha đi cùng.
Mà dám chắc nay chồng đã chết,
Chẳng vì con hai chiếc thơ ngây,
Sói kia chẳng khứng cầu may,
Để chồng riêng chịu thảm này một thân.
Nhưng còn phải cứu đàn con đỏ
Theo giống nòi, dạy dỗ cho ngoan,
Sau này biết chịu cơ hàn.
Không thèm đoàn kết với đàn chó săn.
Rừng núi vốn giang sơn của sói,
Bầy chó kia đưa lối người ta,
Ở đâu đến đuổi chủ xưa,
Chẳng qua nô-lệ cơm thừa chiếu manh.

***

Chúa van vật, cái danh oai nhỉ !
Mà hèn than, ta nghĩ hổ thay !
Biết coi chết nhẹ lông bay,
Sói rừng kia mới thật loài cao siêu.
Ngẫm kỹ nấm cỏ khâu trên bãi,
Im mới hùng còn thấy đều hèn.
Phút cùng ngươi ngước mắt nhìn,
Khách rừng xanh hỡi ta in lòng này.
Cái nhìn ấy, loài người nhắn nhủ :
« Theo sức người mà cố gắng lên.
Phải suy, phải xét, liền liền,
Luyện tâm cho đến bực trên tuyệt vời!
Ta vốn gốc ở nơi rừng núi,
Bực cao này ta tới đã lâu.
Tiếc than, khóc lóc, khẩn cầu,
Là hèn nhát cả ngõ hầu được chi.
Việc đời có nặng nề viễn đại,
Theo số mình, làm cái phần mình,
Rồi như ta, mặc phù sinh,
Chịu đau rồi chết, lặng thinh không nhời »

CÁCH CHI phiên dịch

Có thật là « danh nhân » không ?

(Tiếp theo trang 9)

« Tam niên chi hiếu dĩ hoàn, thập phần chi trung vị tố », nghĩa là hiếu ba năm đã trọn vẹn, trung mười phần chưa làm được. Rồi bảo chủ quán rằng : « Phiền đem câu này dan lại con ta, dán ở gia từ để thờ ta. Đa tạ chủ nhân, đạy áo quan hộ ta . » Bấy giờ là ngày 29 tháng 6 năm bính ngọ 1786.

« Ông Lý-Trần-Quán thong dong tới nghĩa, chết được quang minh, thiên hạ ai là chẳng khen là người có nghĩa ? Có bài thơ điếu bằng chữ nho đại khái nói rằng : « Đường mây nhẹ bước như quê súc có chữ « cù hành ».Thánh chỉ ơn vua xin ghi xương tạc dạ. Từ khi cất cánh phượng là hội của nhiều người học trò đến lúc vin râu rồng một mình được vinh hiển tiết tháo trong sạch trắng như sương mai, lòng son soi rọi để ghi vào sử sách. Từ xưa người đời có sống thì có chết : chết về việc nước chết như sống. » Nguyên văn chữ Hán là : « Tự cổ nhân sinh, sinh hữu tử, Tử ư quốc sự tử, do sinh ». Sau vua Chiêu-thống truy tặng thượng thư, giết Nguyễn-Trang xé xác tế ở trước mộ Trịnh-Khải.»

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

SÁCH MỚI

Tri-Tân đã nhận được : *Bệnh thời-đại* của Phạm ngọc-Khôi trong « *Loại đạo làm người* » do Nguyễn Du xuất-bản.

Sách in bằng giấy bản giầy 50 trang, giá 0$55.

Xin cảm ơn nhà xuất-bản và giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách mới ra.

T. T.

Nam đàn bát châu tục thảo

(Tiếp theo trang 10)

Hậu-chúa Đời Tam quốc, Tiên chúa là Lưu-Bị, Hậu chúa là Lưu-Thiện, đều có miếu thờ ở đất Thục.

Lương-phủ ngâm — Chư-cát Khổng-Minh . khi còn ở thảo-lư, từng chế tác ra bài « Lương phủ ngâm ». Nay Đỗ-Phủ cũng ngâm bài « Lương-phủ » là ngụ ý ví tài mình với tài Khổng-Minh mà chẳng được thi-thố, tài mình đáng tiếc mà cuộc đời đáng thương.

(sẽ tiếp)

Hà-đông, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Xét nhân sinh quan...

Tiếp theo trang 5

hết thảy hữu vi pháp khác nào giấc mộng ảo, bóng bọt nước, lại như giọt móc và chớp nhoáng. Nên coi như thế cả.

***

Với nhân sinh quan ấy, trong văn giới việt-nam, chẳng thiếu gì những ngòi bút đã làm não-nuột lòng ta trên mực đen giấy trắng.

Ông Cao Bá Quát đã viết trong một bài hát nói :

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ,
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày,
Như thoi đưa, như bóng sổ, như gang tay !...

Những nhà văn trên đây sở dĩ tỏ ra nhân . sinh quan như thế, là vì họ quá ôm mối bi quan đối với cuộc đời.

Nhưng nay, chúng ta đương tuổi thanh niên, tương lai còn đầy hứa hẹn, quyết không nên vì . một cuộc thất bại nhỏ hay một việc bất như ý soàng mà sinh thất vọng, chán nản. Ta cần phải nhìn đời bằng cặp mắt lạc quan. Có vui sống thì từ tinh thần đến thể chất ta mới mạnh mẽ hăng hái, đủ sức phấn đấu với bao nỗi éo le khe khắt trên bước đường đời.

HOA-BẰNG

Tissus locaux
ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT
Chuyên bán buôn và nhận dệt khoản các thứ hàng nội-hóa như :
Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.
Nơi giao dịch :
2, Rue Strasbourg
HAIPHONG
Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

Xin lỗi

Vì tuần lễ này, Tri-Tân phải bận rộn về việc xếp đặt nhà in, chấn-chỉnh nội-dung tờ báo, nên số 75 này mới đề nhích ngày lên như thế.

Vậy xin các bạn thân-yêu lượng thứ.

Hộp thư

Cùng ông Hoài nam Nguyễn Tử Anh. — *Tôi không hề cộng tác về bài vở với thư xã ông ; cũng không cho trích bài văn nào của tôi. Xin ông đừng trưngtên tôi ở ngoài bìa cái bản cảo « Hoài Nam thi văn tập ».*

Bạn Nguyễn Huy Tưởng, Haiphòng. — *Đã nhận được X. C. và T. B. T. xin cảm ơn.*

HOA-BẰNG

THỜI ĐÀM

XỨ MAROC VÀ QUÂN-CẢNG TANGER

NHẬT-NHAM

Xứ Maroc vị-trí rộng hơn Algérie, một mặt trông ra Đại-tây-dương và một mặt giáp bể Địa-trung-hải, nên địa-thế rất xung-yếu.

Lại thêm dân hiếu-chiến làm cho xứ Maroc tăng phần quan-trọng. Theo chính-sách bế quan toả cảng, xứ Maroc không giao-thiệp với ngoại-quốc cho mãi tới cuối thế-kỷ, thứ 19 trừ hải-cảng Tanger là nơi các thương-thuyền Âu-châu vẫn thường qua lại. Quốc-vương Maroc một mình giữ hết quyền chính về chính-trị và tôn-giáo, chỉ-huy các bộ-lạc lúc nào cũng sẵn-sàng để gây cuộc đổ máu. Sự giao-dịch đều lấy thương-khẩu Tanger làm thị-trường. Còn trong toàn cõi Maroc, người Pháp và người Anh đều nắm hết quyền-lợi về thương-mại. Không muốn có những cuộc phân-tranh giữa Pháp và Anh tại Maroc, hai bên Pháp-Anh ký hiệp-ước năm 1904, thỏa-thuận để Anh được hưởng nhiều đất đai tại Ai-cập, Anh không chú-ý đến xứ Maroc nữa, nhưng yêu-cầu Pháp phải công-nhận cho Chính phủ Tây-ban-nha được bành-trướng thế-lực trên một khu-vực.

Đã lâu người Đức không quan-tâm đến Maroc, mà cũng không ngăn-trở công-cuộc khuyếch-trương của người Pháp tại Maroc. Chính-phủ Bá-linh vẫn theo chính-sách của nguyên thủ-tướng Bismarck: để nước Pháp mải đi chinh-phục các thuộc-địa mà nhằng trí phục-thù.

Nhưng chẳng bao lâu, trước sự liên-kết của Pháp và Anh có thể làm tổn đến quyền-lợi và thanh-thế của mình, người Đức không theo chính-sách ấy nữa. Người đã đề-nghị ra thuyết ấy là vị thượng-thư de Bulow, cận-thần Guillaume II Hoàng đế.

Ông Delcassé, ngoại-giao tổng-trưởng Pháp, mãi về sau mới biết đến sự thay đổi thái-độ ấy. Cho nên trong những cuộc điều-đình để giữ quyền-lợi cho nước Pháp tại Maroc, ông Delcassé chỉ giao-thiệp với các cường-quốc có liên-lạc với vấn-đề Maroc:

1·) Nước Anh ngại một khi Pháp chiếm được miền duyên-hải Phi-châu, xế quân-cảng Gibraltar của Anh, quân-cảng này sẽ bị uy hiếp.

2·) Nước Tây-ban-nha còn tại Maroc hai miền Melilla và Ceuta cần phải bảo-thủ để phát-lưu tù phạm.

3·) Nước Ý-đại-lợi vẫn có mộng-tưởng bành trướng thế-lực tại Phi-châu.

Vì vậy, trong một cuộc hội-đàm, ông Kühlmann, lãnh sự Đức tại Tanger, bá-cáo cho ông Delcassé biết rằng: Chính phủ Đức rất ngạc nhiên không được Chính-phủ Pháp cho biết các cuộc điều-đình giữa Pháp và các nước về xứ Maroc. Nhưng chính các nước Tây-ban-nha, Ý-đại lợi và Anh-cát-lợi cũng không nhận được giấy tống-đạt và đại biểu của Chính-phủ Pháp cũng đã bá-cáo miệng cho Đức biết các cuộc điều-đình ấy kết quả như thế nào. Muốn tỏ rõ thái-độ mình đối với vấn-đề Maroc, Đức không cho chiến-thuyền sang bến Tanger mà chính Đức-hoàng lại ngự-giá thân chinh.

Hồi 9 giờ sáng thứ sáu 31 Mars 1904, tầu Hamburg trên có Hoàng-Đế Guillaume II cập bến Tanger.

Sau khi đổ bộ lên đất Phi châu, Hoàng-đế tới thăm toà lãnh-sự Đức nhận lễ bái-chúc của các đại biểu Đức, rồi cách hai giờ đồng-hồ lại ngự-giá xuống tầu Hamburg.

Hoàng đế Guillaume II tới Tanger tỏ rõ ý Đức muốn bảo-đảm cho Maroc độc-lập, vì vậy giữa hai chính-phủ Pháp-Đức có cuộc xung-đột gay go về ngoại-giao sắp gây nên chinh chiến vào năm 1905. Nhưng về sau mọi việc đều giải-quyết xong một cách êm-đềm: ông Delcassé, sau 7 năm ngoại-giao tổng-trưởng, từ-chức (juin 1905), rồi tiếp đến hội nghị quốc-tế họp tại Algésiras năm 1906, duy trì nền độc lập của xứ Maroc, giữ nguyên lãnh thổ cho Maroc, công-nhận tình-thế đặc biệt của nước Pháp tại Maroc và uỷ cho nước Pháp cùng với nước Tây-ban-nha tổ chức cuộc phòng-thủ các hải-cảng Maroc.

Hòa ước ký tại Algésiras không đủ giải-quyết vấn đề Maroc. Nhiều cuộc biến-động xảy ra năm 1907. Sau khi người Pháp bị thổ dân ám sát tại Casablanca, nước Pháp cho quân chiếm-cứ Casablanca và tỉnh Chaouia gần đấy (1907-1908). Rồi quân-đội Pháp tiến sâu vào tới Fez (1911), để giải vây cho quốc vương và các người Âu bị quân phản

nghịch vây hãm trong kinh-thành Marrakech. Nước Đức lại can-thiệp, yêu-cầu Chính-phủ Pháp phải nhượng cho Đức các đất-đai tại Congo, nếu Pháp muốn được Đức công-nhận cuộc bảo-hộ xứ Maroc, Năm 1912, hợp ước ký tại Fez công-nhận cho nước Pháp được đặt cuộc bảo-hộ trên toàn cõi Maroc, trừ miền bắc của Tây-ban-nha cai-trị và quân-cảng Tanger thuộc quyền quốc-tế trông coi.

Từ đó dưới quyền chỉ-huy của Thống-chế Lyautey, quân-đội Pháp chiếm-cứ được nhiều nơi và bình-phục được hầu khắp xứ Maroc Công cuộc chinh-phục, mở-mang, với bao nhiêu trở-lực đã đặt xứ Maroc Pháp lên một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế.

Trong khi xứ Maroc Pháp được mở-mang một cách nhanh-chóng, quân-cảng Tanger cũng được phòng-thủ rất kiên cố. « Nếu quân cảng Gibraltar là cái chìa khoá của Địa-trung-hải, thì Tanger là cái khóa » theo nhời một vị Đô-đốc hải-quân Anh. Ông Nelson cũng công-nhận Tanger là một địa-điểm rất xung-yếu, quan-hệ đến cuộc thắng bại của Anh, không kém gì kênh đào Suez. Như vậy đủ rõ tại sao Tanger đã khởi nên bao vấn-đề khó giải-quyết từ xưa tới nay, tại sao Anh không muốn để một cường-quốc nào kiểm-xoát Tanger. Một khi kiến-thiết kiên cố, có đủ pháo đài, đủ tầu ngầm, đủ ngư-lôi, Tanger sẽ trở nên một căn-cứ hải-quân vào bực nhất, có công-dụng làm trở-lực cho sự qua lại eo bể, không kém gì quân-cảng Gibraltar, So với quân cảng Gibraltar, Tanger có nhiều điều tiện-lợi hơn: Gibraltar có nhiều núi đá không đủ địa-thế lập trường bay để phòng-thủ trên bộ và dưới nước, trái lại Tanger địa-thế rộng-rãi, có thể lập được nhiều trường bay làm căn cứ cho không-quân,

Tanger là một hải-khẩu ở đầu con đường hỏa-xa nối với thị-trấn Fez, cách Toulouse 5 giờ tàu bay, cách Marrakech 12 giờ tàu hỏa. Tanger là một thương-khẩu to để xuất cảng các sản-vật, là nơi hò hẹn của 39 công ty hàng hải lui tới luôn luôn.

Từ ngày tướng Franco toàn thắng, quang-cảnh Tanger có phần thay đổi rất mau. Sau những cuộc lưu huyết do cuộc nội biến gây nên, kiều-dân Tây ban nha và Ý-đại-lợi ngụ tại Tanger, bấy lâu chia thành đảng-phái, đều nhất tề theo chủ-nghĩa quốc-xã từ ngày tướng Franco hạ xong kinh thành Madrid.

Vì muốn đề-phòng một cuộc tấn-công từ xứ Maroc Pháp lại, nên chính-phủ Tây ban nha hết sức kiến thiết miền Rio de Oro là một căn-cứ vững vàng, Rio de Oro là một địa-điểm xung-yếu có ảnh-hưởng đến hai xứ Maroc Pháp và Maroc Tây-ban-nha

Gần đây quân đội Anh Mỹ đã bắt đầu tấn-công vào xứ Maroc của Pháp. Ngọn lửa chiến tranh đương lan rộng trên đất Bắc Phi. Chẳng hay miền Tanger có thể đứng ra ngoài vòng khói lửa để riêng hưởng cuộc thái bình thịnh trị?

NHẬT-NHAM

Chiều nay

Chiều nay lặng lẽ ngắm trời xa,
Một cánh chim bay dưới bóng tà.
Mấy tiếng chuông vàng rơi lạnh-lạnh . . ,
Đường trần chán nản chi bôn-ba.

***

Bên mình mấy bạn đã xa rồi,
Kẻ sống lênh đênh một góc trời,
Kẻ mải vùi đầu bên án sách,
Người đương ốm yếu . . . uổng hôm mai.

***

Than ôi ! hương phấn cợt thời-gian,
Nắng nhạt vương theo quán chợ tàn.
Bỡ ngỡ chim non vào xứ lạ,
Hãi-hùng thuyền lạnh ngược giòng oan.
Đề thơ nước mắt ứa theo giòng,
Non nước ai người có biết không ?
Một kẻ đương ngồi bên cánh cửa,
Mà bao mưa gió ở trong lòng.

Sang sông

Từ buổi sang sông với chuyến đò,
Vui gì khi lỡ mối duyên thơ.
Chiều lên thôn vắng trông đường vắng,
Đêm thả thuyền mơ đến bến mơ.
Lạnh-lẽo chuông ru hồn ảm-đạm,
Nào nùng trăng ngả bóng bơ-vơ.
Năm thân áo tạt theo sương gió,
Giòng quanh chèo buông ý hững- hờ,

NGÂN-GIANG nữ-sĩ

HOÀI NIỆM VONG LINH CỬ TRỊ

NGÔI MẢ HOANG

KIỀU THANH-QUẾ

Vừa rồi Lê Thọ-Xuân, Khuông-Việt, Ca-văn-Thỉnh và giáo sư Phạm-Thiều đến Cần-Thơ « tìm dấu người xưa ».

Họ đi viếng mộ Thủ-khoa Nghĩa, tìm mả Cử Trị. Tôi phải cái không may là chẳng theo họ được.

Nhưng dạo này năm ngoái (Août 1941), anh Lê Thọ-Xuân ở Bentre sang Cần-thơ thăm tôi. Theo ý muốn của anh, tôi dẫn anh đến giới thiệu với vị lão hữu Thái-khắc-Hòe.

Buổi hầu chuyện hôm ấy, cụ Thái dạy cho chúng tôi cũng nhiều sử liệu sống ở miền Hậu-giang. Nhân nói đến ngôi mả Thủ-khoa Nghĩa — một ngôi mả kỳ dị mà bề mang những giòng bi-ký ở tấm mộ bia lại day vô, để bề không chữ ngó ra ngoài — ,cụ Thái lấy vẻ nghiêm trọng bảo chúng tôi :

— Nhưng hãy còn một ngôi mả đáng cho các nhà hiếu cổ để ý đến nữa : ấy là nơi vùi nông nắm xương tàn của Cử Trị — bực danh nho tiết-tháo hồi Việt Nam Tây thuộc sử, người đã có lần thống mạ cái lối « Từ-Thứ quy Tào » của Tôn-thọ-Tường; và là một thi sĩ đã di lại cho văn học Việt-Nam hơn năm trăm bài thơ giai tác, hàm chứa bao nhiêu phẫn nộ đối với cuộc doanh hư tiên-trưởng thời bấy giờ.

Bực nỗi một thi tài lỗi lạc dường ấy lại bị đời bỏ quên một cách tàn nhẫn, cụ Thái nói rất hăng : bao nhiêu bực tức của cụ đều phát xuất ở đôi mắt hắt những cái nhìn cháy xém, ở gò tràn nhăn lại như mặt nước hồ thu trải qua một cơn giông tố. Cùng chia cảm tưởng với cụ — nhưng không được bao lâu —, chúng tôi đã phải vội vàng đứng dậy kiếu từ cụ ; vì nghe cụ chỉ chỗ ngôi mả Cử Trị, chúng tôi không còn đủ kiên nhẫn trì hoãn cuộc đi thăm nơi yên nghỉ ngàn thu của một bực tài danh như Cử Trị.

Ra khỏi nhà cụ Thái đã 12 giờ trưa. Chúng tôi thuê xe lôi — một thứ xe kéo mà gần đây đến viếng Cần-thơ, Trương-Tửu cứ mỉm cười mãi về cái tên ngộ nghĩnh của nó — đi Phong-điền một thôn mạc trơ vơ xa thành phố « Kinh-đô Hậu-giang » những mười sáu mười bảy cây số.

Tới Phong-điền, chúng tôi tìm đến nhà Hồ-kim-Đinh — một tử đệ của Cử Trị ngày xưa còn sơ sót lại.

Bước vào nhà cụ Hồ, một cảm giác ghê rợn dẫn khắp người tôi. Vắng vẻ. Lạnh tanh. Gió thổi từng đợt dài, rít lên như Tử-thần nghiến răng đe dọa ai, ở hành lang, một cỗ quan tài sơn phết đàng hoàng, được phủ tấm vải trắng vẽ ra trong trí tưởng tôi ảnh tượng bộ xương người đang hươi cao chiếc lưỡi hái sắc lem trên cỗ bịnh nhân đang hấp hối . . .

Bịnh nhân ấy là cụ Hồ, đang nhắm nghiền đôi mắt, rên hừ hừ, mền dỏ đắp tận ngực, nằm trên một chõng tre đặt ở nhà trung đường.

Lành lạnh sau gáy tôi. Rờn rợn óc tôi. Sờ sợ. Bao nhiêu trạng thái của một đứa trẻ nhút nhát trải qua thần trí tôi . . . Nhưng cùng sống đôi với anh Thọ Xuân, tôi bước lại giường bịnh nhân.

— Thưa cụ. . . .

Cụ Hồ mở mắt với tiếng động của hai chúng tôi và tiếng anh Thọ-Xuân thốt cũng se sẽ. . . Sau khi hiểu ý chúng tôi, cụ Hồ sốt sắn chỗi dậy, bằng một giọng hổn hển của người ốm nặng, nói :

...— Phải già không bại cả hai chân già, quyết đưa nhị vị đến tận mả cụ (chỉ Cử-Trị) Đêm qua già nằm mơ thấy cụ về. . .

Nói thêm được cớ bao nhiêu, cụ Hồ mệt quá phải nằm xuống thiếp đi. . . chúng tôi phải để lời từ tạ cụ với người nhà cụ, lui ra, thuê thuyền đi tìm ông giáo T . . . , người, theo lời cụ Hồ, có sưu tập ít nhiều thơ văn Cử-Trị.

Chúng tôi đến nhằm lúc ông giáo nhà ta đang đánh giở một chến bài tứ sắc. Nửa giờ sau khi chúng tôi chờ đợi, bước ra một bác giầu bụng phệ ở trần, vận chan tắm, tiếp kiến chúng tôi. Chúng tôi thật không dè, trớ trêu thay ! người ấy lại là người biết để dành thơ văn Cử-Trị.

Nhưng cũng may là chúng tôi biết ngạc nhiên ngay khi, lạnh như tiền, ông giáo nhà ta bảo chúng tôi rằng mình hiện không còn giữ lấy nửa bài thơ của Cử Trị, vì dầu trước kia ông ta cũng có bày đặt

để đành thơ phú của tiền nhân.

Thế là, chúng tôi lại ngồi thuyền đi tìm chú thủ bộ Thừa — cháu nội cai tổng Thiều, người đã có sưu tập thơ văn Cử-Trị cho in thành sách.

Chú thủ bộ Thừa là cái thái cực đối với ông giáo kia, ông kia lạnh nhạt bao nhiêu, chú này sốt sắn vồn vã bấy nhiêu. Chú lấy ra trong một khung kính mắc ở vách là nhà chú biếu anh Thọ Xuân tấm ảnh cai tổng Lê-quang-Thiều,—nội tổ-chú, nay đã qua đời.

Rồi chú dẫn chúng tôi ra sau nhà chú, chỉ cho chúng tôi nơi vùi nông nắm xương tàn của Cử-Trị.

Tưởng ít ra cũng là một ngôi mả tầm thường. Nhưng hỡi ôi ! không mộ bia, không tam cấp đá, không có gò đất đáp vun lên, chỉ bằng phẳng một thảm cỏ khâu xanh rì ! . .

Phi chú thủ bộ thừa làng Nhơn-Ái, chắc ngày nay không còn ai làm sao biết được đó là nơi yên nghỉ ngàn thu của một thi tài lỗi lạc, một trung thần nghĩa sĩ của Bản triều hồi Pháp Nam sơ giao như Cử-Trị.

Chú thủ bộ lấy ngon tay moi lớp đất trên và làn cỏ mỏng, chỉ cho chúng tôi tấm ván cây của nấp quan tài;

— Đã lâu rồi, quan tài cụ (chỉ Cử-Trị) nổi lên khỏi mặt đất. Tháng này mưa tầm, cỏ và bùn phủ lấp đi. Chờ qua tháng nắng, đất khô, nức nẻ, đẩy nấp quan tài lên khỏi mặt đất, dễ trông thấy lắm. Quan tài nổi lên như thế, hẳn con cháu nhà cụ đắc quan tấn tài lắm. Nghe đâu một người con cụ hiện giàu có lớn ở Gia-định. Vậy mà sao không chịu về vày đắp mồ mả cho cụ hồng biết nữa ! Để điêu tàn như vầy, trông thảm thương quá ! . . . Tôi thì nghèo. Phải chú tôi khá giả đôi chút. . . .

Chủ thủ bộ Thừa đánh dứt câu nói bằng một hơi thở dài. . .

Anh Thọ-Xuân và tôi đều cảm động. . .

Và trong phút chút, cả một giai đoạn lịch sử hồi Pháp Nam sơ giao diễn lại nhanh chóng trong óc tôi — như khúc phim thời sự !

Lúc bấy giờ, nhân cuộc thương thuyết bất thành giữa Pháp Nam, nước Pháp cử binh đánh lấy Nam-kỳ. Dân tâm sĩ khí nhất thời chia làm hai phái : phái hoà và phái chống trả. Cử nhơn Phan-văn-Trị đại-diện cho phái kiến trung cùng cố chúa. Tân-thọ-Tường, bạn của Cử-Trị, khi ra làm quan với Pháp, có che đậy chỗ ẩn tình của mình bằng lượt thơ hắn mốc này :

Hiếu đàn dám sánh kẻ cây vòi,
Muối sét lòng ai nầy mặn mòi.
Ở Hắn còn nhiều rường cột vững,
Về Tào chỉ sá cỏ cây rồi.
Mảng nghe tin mẹ khôn lưng chén,
Chạnh tưởng ơn-vua biếng giục roi.
Chẳng đặng khôn Lưu đành dại Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi . . .

Cử-Trị hoạ nguyên vận bài ấy, mà lời lẽ kiêu trung chánh trực nhứt ở bốn cấu :

Đất Hứa nhớ thân sa giọt tủi,
Thành Tương mến chúa nhẹ tay roi.
Về Tào miệng ngậm như bình kín,
Thân trọng lời vàng đáng mấy thoi.

Tôn thọ Tường — cái tinh thần ốm yếu ấy — lại những giòng ốm yếu này nữa :

Cắt ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Nghìn thu rạng tiết gái Giang-đông.
Lìa Ngô bin rịn chòm mây bạc,
Về Thục đành trao mảnh má hồng.
Son phấn thà cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Châu công Cẩn :
Thà mất lòng anh, được bụng chồng.

Cử-Trị cho hai câu bảy tám là bất chính. Tôn phu nhơn, một người đàn bà đã xuất giá, sao lại còn nhắn nhủ gì với Châu công Cẩn. Đúng lẽ bà nên chánh đáng tỏ tâm sự mình với bào huynh là Ngô Tôn Quyền mới phải.

Thế rồi, Cử-Trị lại hoạ nguyên vận bài « Tôn phu nhơn qui Thục » của Tôn thọ Tường trên đây như vầy :

Cài trâm sóc áo vẹn câu tòng,
Mặt giữ trời chiều biệt cõi Đông.
Khói tỏa đồi Ngô un sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bên trời đắt,
Một gánh cương thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn-Quyền ôi có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Câu chót của Cử-Trị làm một ý nghĩa biếm nhẽ bạn rất cay chua : tôi ngay không thờ hai chúa, gái trinh chỉ lấy một chồng !

Lúc ra về, lần chót, tôi quay lại nhìn ngôi mả Cử-Trị, ngậm ngùi thương cho nơi yên nghỉ của một thi sĩ tiếp tháo nay đà hoang tạ, thế lương ! . . .

Một liên tưởng bắt tôi nghĩ đến mấy câu thơ Tản-Đà :

Suối vàng sâu thẳm biết là ai ?
Mả cũ không ai kẻ đoái hoài !
Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
Mưa dầu nắng giải trăng mờ soi ! . .

KIỀU THANH-QUẾ

BẢN-ĐỒ CHIÊM THÀNH *(tiếp theo trang 8)*

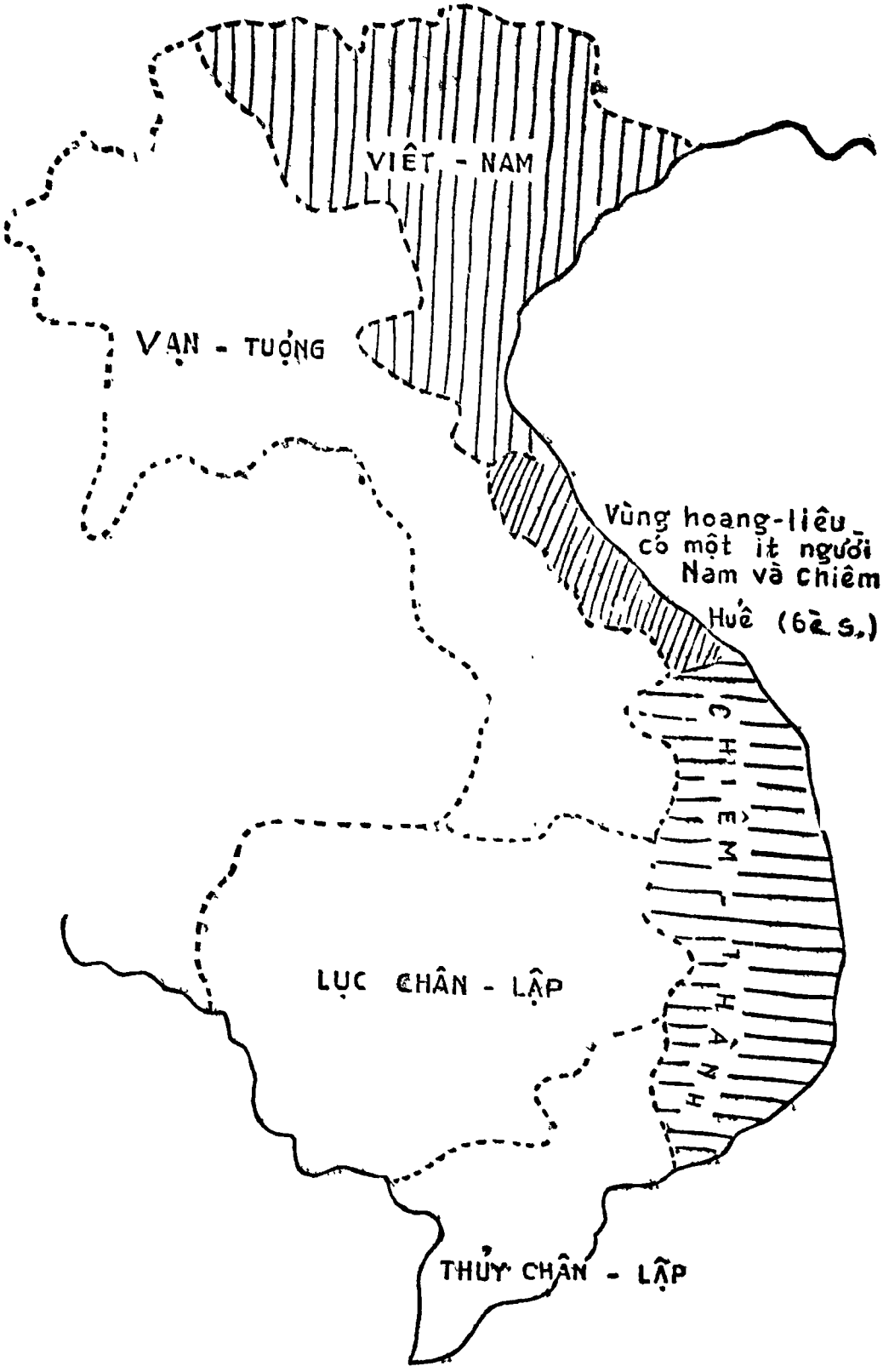

muốn chiếm lấy. Nhưng vì cái không biết muốn đó nên sau mới có chuyện vua Chiêm cắt mấy châu ấy dâng cho vua ta. Thật rất đúng với câu: « Cái gì của César hãy trả lại cho César ».

Để kết-luận, tôi nói rằng nước ta thôn tính nước Chiêm-thành là kể từ đất Quảng-nam trở vô. Và xem tài-liệu trên đây, chúng ta hãy thử vẽ lại bản-đồ của nước Chiêm-thành và Việt-nam ta xưa.

TÍNH-CHÚ N. V. H.

TRUYỆN NGẮN

THƯƠNG

CÂY THÔNG viết

THẰNG bé đã lại trở dậy, lại khành-khạch rồi. Chừng còn chưa thấy ai đa-động đến, nên nó khóc to hơn...

Bà Hai — mợ nó — quờ tay ra xoa lưng nó qua quýt. Bà không mở mắt, hình con, nói bâng-quơ :

— Ngủ đi, con !

Bây giờ, biết có người thức rồi, thì thằng bé mới tai-ngược lắm sao : Nó quấy hẳn-hoi, cố ý để mợ nó biết rằng mình khỏe đấy. Có kẻ đã chứng kiến cho, mà lại thôi, không giở trò gì, thì hoài quá

Bà Hai trở mình bồng con vào phía trong, nhưng nó rẩy lên, lại phải vội bồng giả về phía ngoài.

— Nín đi chứ ! Rồi mai mẹ mua nhiều kẹo cho này, lại mua cho cả chiếc xe đạp nữa, này ! ....

Thằng bé vẫn khóc rười-rượi

— À, hay con uống « hụm » nhỉ ? — Nào vú rót « hụm » cho em, nào !

Người vú, từ nãy, vẫn ngấp-nghé ở cửa, thấy gọi đến tên, vội lỏn vào cùng một tiếng « dạ »

— Vú hãy bật đèn lên tý !

Và bà Hai nhắc :

— Rót « hụm » mau cho em uống, đi !

Nhưng em hét lên : « chã ! » giữa tiếng khóc, nên bà lại hấp tấp đổi ý :

— Thôi, thôi, em không có khát đâu !

Thằng bé cứ khóc. Nó cứ ra công khóc riết ... Hình như là ra, dỗ là một việc, mà việc nó khóc lại là việc khác. Nó quấy sốt cả ruột, thiu cả thịt lên thế này !

Người vú đã thấy ngại, nên phải dỗ theo :

— Hay chú ra tôi « hẫm » nào !

Bà hai ngồi hẳn dậy, quấn qua mớ tóc, tiếp luôn :

— Ừ này, ra vú ẵm, rồi vú bắt con mèo cho chơi ....

Một mệnh lệnh nghiêm-khắc vang lên từ trong màn giường bên :

— Lôi nó ra sân ấy, bao giờ nín bặt mới được vào ! !

Đang ngại, vú càng ngại thêm, liền đưa hai tay về phía chú bé dỗ-dành :

— Nào, ra tôi bế, kẻo cậu giận, cậu đánh đòn. Chú ra sân, xem ông giăng, đẹp lắm « cơ » !

Nhưng chẳng ăn thua đâu vào đâu Nó không sợ, nó cũng không nghe. Cơn khóc trước gần rứt thì nó : « Hụng ! » một tiếng để mở đầu cơn sau.

Và bà Hai phải vờ gắt mắng vụ để lấy lòng con vậy :

— « Vú cút ! cút đi ! ai khiến, nào ?

Vú do-dự lắm, không biết nên nghe theo lệnh của cậu hay mợ, hay chú bé, đành đứng thư ra đó, dạn-dăm nhìn chú Ất — tên thằng bé — khóc mắt nham nghiền, miệng quạc ra, nước mắt, nước mũi, nước rãi ràn-rụa loang-loáng đầy má, cằm cổ ...

— Ấy !

Thình-lình bà Hai thốt lên tiếng ấy. Thằng Ất giật mình, ngạc-nhiên, ngừng ngay khóc. Đang ồn-ào, bỗng yên-tĩnh hẳn lại. Ai cũng nghe thấy con mối trên trần kêu « tắt tắt » khoan-thai, rõ rệt. Nhưng chỉ được không đầy một phút, thằng bé đã lại oà khóc.

— Ấy kìa, con mối nó cắn cho bây giờ, chít-chít ! Không ạ ! Ất nó nín rồi, ngủ khè rồi « cơ » mà ! Đứa nào nó quấy đấy chứ ! thằng... ấy đó ạ !

Rồi bà áp mặt con vào ngực để giấu-giếm, che-chở. Tiếng nức-nở bị bưng kín đã giảm bớt âm-thanh.

Được thế, người vú đóng ngay vai ông « Ngoáo » thường mới ra dọa-dẫm : « oáo ù ! chít chít ! »

Nhưng, ăn thua gì, chú Ất, vì khó thở, đã ngửa cổ, thoải đầu ra, bật lên tiếng gào khóc to hơn.

— Làm sao thế này ! mồm ăn thì có, mồm nói thì không. Chợp chưa được nửa tiếng đồng-hồ, lại cựa mình trơ dậy, ê-a khành-khạch thế này, ai chịu được không ! Đem đọ vai rạo quay thì còn gì ta đem ! Ngay thì chơi như chó ấy, tối đến lại quay rầy người ta !...

Bực mình thì gắt-gỏng thế chứ, xong bà Hai lại dịu giọng ngay và nói nựng :

— Mợ yêu con mà ! Con mợ ngoan ẩm Nín đi, ngủ đi .. « Hạ nơi » !...

Tuy nhiên, thằng bé vẫn ra-ra kêu gào. Đến hàng xóm cũng chẳng ngủ được, nữa là người trong nhà.

Ông Hai bực mình lắm ! Cứ nằm im nghe xem thằng oát giở nhưng trò gì, và cố nén sự bực-tức nó đã lên đến cực-điểm. Không nhịn được nữa, ông vùng dậy, chẳng cần tìm guốc, giẫm đất sẵn đen thang Ất, nhìn trừng-trừng, thét lên :

— Ất !

Thằng Ất giật nảy mình. Mợ nó và vú nó cũng giật mình theo Và cả đến chị Bích, nằm ở nhà ngoài, cũng giật bắn người lên.

Rồi bằng một giọng hằn học, ông quát :

— Dỗ cũng không được ; dọa cũng chẳng xong ! Lên hai lên ba rồi, còn bé-bỏng gì cho cam Nào, mày muốn khóc nữa phải không ? !

Và, cáu tiết, tiện tay, ông phết cho thằng nhãi hai cái vào đùi.

Hai tiếng « đét, đét » liền nhau đã khiến cho chị Bích hốt-hoảng lây. Cứ nghe thấy cũng đủ biết là mạnh lắm, đau lắm Trống ngực Bích đập thùm-thùm. Bích không dám cựa mình, e giát giường chuyển-động ; Bích không dám ho, hơn nữa, không dám thở . . Nín thở lâu thành-thử Bích cứ phải thở dài và nuốt nước bọt. Thật là khó chịu. Đang lo ngay-ngáy nhỡ ai nhắc nhỏm đến mình, đột nhiên Bích thấy cậu gắt to :

— Con Bích đâu ? Không dậy chơi với em, hả !

Lòng thắt lại, lưỡi díu lại, Bích

cuống lên không biết nên ú-ớ: dạ hay vâng. May quá mợ đã ôn-tồn gạt cậu:

— Để cho con nó ngủ chứ! Làm gì mà phải cả nhà thức dậy, tấp-nập rộn-rịp lên . . . Cậu, cậu cũng nên đi nghỉ đi, thức cũng thế thôi Nó quấy là nó quấy, mà nó nín là nó nín. Khóc chán mỏi mồm, rồi tất phải thôi. Cứ để một mình tôi cố chịu khó ru nó ngủ cũng được . . . Nào, « hạ hơi hơi »!...

Ông hai nằm đã được hơn hai mươi phút rồi, nhưng cứ trằn-trọc mãi không sao ngủ được. Bao nhiêu ý-nghĩa lan-man lộn-xộn, luẩn-quẩn làm ông không thể chợp mắt được nữa. Ông muốn chúng tiêu tan ngay đi theo khói thuốc lá ông thở mạnh kia. Trong bóng tối, đầu than ở điếu thuốc lập-lòe luôn và lâu. Mầu than sáng ấy bảo cho ta biết là ông Hai đang băn-khoăn lắm, vì rõ-ràng ông hít mạnh và thở nhiều. Có lúc ông ước-mong thằng Ất lại thức dậy và quấy nữa để, chính ông, ông được đem hết tình ra dỗ nỏ. Có lúc ông lại mong-mỏi trời mau sáng để ông mua thật nhiều phở bon cho Ất ăn thật no...

Ông phác lại những việc nô-nạt lúc nãy trước thân-hình bé-nhỏ của đứa con, ông Hai tự trách sao có thể điên-cuồng dữ-tợn đến thế được! Ông thấy mình ít độ lượng qúa khi nghĩ đến nhẽ đánh-đập một con trẻ nó không đủ sức tự-vệ ăn-tranh, nhất là nó còn chưa hiểu biết gì là trái phải.

Hết nằm nghiêng lại nằm ngửa; hết vắt tay ngang trán lại ấp tay lên ngực nghe tim dồn-dập. Điếu thuốc thứ hai lập-lòe cháy đã gần hết, mà ông vẫn chưa thấy tâm-trí tĩnh yên!

Quăng mẩu thuốc vào gậm giường, ông giao hai bàn tay lại vần-vơ nắn từng ngón. Cử-chỉ đó đã khiến ông liên-tưởng đến hai cái phát trên đùi con; và ông hình-dung ngay ra mười vết ngón tay lộn-xộn lồng vào nhau, bầm tím lần hằn lên... Ông vươn vai, trở dậy bật đèn. Rón rén đi lại chỗ vợ và con nằm.

Mà đứa bé ấp vào mà mẹ, dưới ánh đèn, cùng đều loang-loáng ướt đầm nước mắt chưa khô. Ông Hai rụi mắt đứng lặng nhìn, ái-ngại và phân-vân không rõ rằng con khóc hay mẹ khóc, hay cả hai mẹ con cùng đã khóc thầm.

Rồi hiền-từ cúi xuống, ông đưa nhẹ tay mơn-man xoa đùi con. Đứa bé còn thổn-thức. Thỉnh-thoảng nó lại nấc liền-liền mấy cái và thở hắt một hơi dài khiến thân-hình nó rung-chuyển hẳn lên.

- Cậu tìm gì vậy?

Nhưng ông Hai lo-đãng trả lời ra ngoài câu hỏi của vợ:

— Nó ngủ kỹ rồi, phải không?

Chợt một tiếng ho từ nhà ngoài vọng lại. Ông Hai nghiêng đầu như một con gà lắng nghe, khẽ hỏi:

Con Bích cũng vẫn còn thức đấy ư?

CÂY THÔNG

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm:

Chữ nho học lấy
Cử nhân **Dương Bá-Trạc** *soạn*
Giá 1$ — Cước 0$12

Mẹo chữ hán
Bùi Trinh-Khiêm *soạn*
Giá 0$35 — Cước 0$06

Đề cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Họ Đinh ở Hàm giang

tiếp theo trang 6

Giai lo buồn thành bệnh mà chết, mẹ Giai mới làm tờ khải trần tình, dâng lên xin truy phong cho Giai, chúa thương tình và nhớ đến công xưa, cũng ưng cho.

Về sau, họ ấy thường được giữ binh quyền, đến Hậu-Lê, Liễu Trung hầu Đinh Tích-Nhưỡng danh tiếng lừng-lẫy cũng là con cháu họ này.

TIÊN-ĐÀM

Số Xuân TRI-TÂN 1943 (QUÍ MÙI)

Sẽ có những tác-phẩm *rất đặc-sắc về văn-chương, về nghệ-thuật:*
Sẽ có những bài khảo-cứu về Xuân, về Tết rất công-phu;
Sẽ có những thiên phóng-sự ngắn dưới con mắt quan-sát rất đúng;
Sẽ có những truyện ngắn rất đặc-sắc;
Sẽ có những truyện thơ rất vui;
Sẽ có bức tranh phụ-bản rất mỹ-thuật: của họa-sĩ Nguyễn-Văn-Tị;
Sẽ có những bài thơ cả rất đáng chú ý...

NHỮNG SÁCH CỦA

THƯ-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

Số 6, Phố P. Pasquier — Hanoi

I — KIM-VÂN-KIỀU (quyển nhất) bản dịch Pháp-văn của ông Nguyễn văn-Vĩnh đối chiếu nguyên văn chữ nôm, có chú thích, sách giấy 320 trang. Loại giấy thường. . . . . 2$00
Loại đặc biệt. . . . . 7$00

II — THƠ NGỤ NGÔN LA FONTAINE, nguyên Pháp-văn và bản dịch quốc ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, có tranh ảnh do họa sĩ Mạnh-Quỳnh vẽ, sách giấy 160 trang.
Loại giấy thương . . . . . 1$00
Loại đặc biệt . . . . . 5$00

III — LƯỢC KHẢO VIỆT NGỮ, của Lê văn Nựu, có bài tựa của quan Thượng-thư bộ Giáo-dục Phạm-Quỳnh, sách giấy 100 trang. Giá bán . . . . . 0$50

Tổng phát hành : Nhà MAI-LINH 21, phố hàng Điếu, Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

Đã xuất-bản quyển I

Giá bán : 0$80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0$30 cho Nhà xuất bản TÂN-DÂN
93, Rue du Coton, Hanoi
Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

Sắp có bán

Nguyễn Du
VÀ
Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Một cuốn nghiên cứu đầu tiên viết theo phương pháp khoa học về thời đại, về huyết thống, về thân thế, về cả tinh thần thi sĩ Nguyễn Du và về Truyện Kiều

Ngoài những bản thường có in thêm nhiều bản giấy quý dành riêng cho các bạn yêu văn

HAN THUYÊN
17, Tiên Tsin, Hanoi

Directeur : Nguyễn-Trường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quản
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi